



CHỜ NHỮNG NIỀM TIN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **2011**
Annual Report



Decide with Confidence

NỘI DUNG

I	Tổng quan về SABETRAN JSC	01. Tóm lược lịch sử hoạt động và phát triển của SABETRAN JSC	04
		02. Các lĩnh vực hoạt động & mục tiêu, chiến lược phát triển	06
		03. Hệ thống quản trị	08
		05. Cơ cấu cổ đông	13
		06. Hệ thống các công ty con	15
		07. Phân tích SWOT về SABETRAN JSC	16
II	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011	08. Báo cáo của Tổng Giám đốc	19
		09. Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị	24
		10. Báo cáo của Ban Kiểm Soát	27
		11. Danh hiệu thi đua và công tác XH - từ thiện - cộng đồng	28
III	Báo cáo tài chính năm 2011	12. Báo cáo Hội đồng Quản trị	30
		13. Báo cáo của đơn vị Kiểm toán độc lập	31
		14. Bảng cân đối kế toán	32
		15. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	34
		16. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	35
		17. Thuyết minh báo cáo tài chính	36
IV	Mục tiêu phát triển năm 2012	18. Phương hướng phát triển và một số chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch năm 2012	51



I TỔNG QUAN VỀ SABETRAN JSC



QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP VÀ PHÁT TRIỂN

- Tiền thân của Công ty là đội xe tiếp quản từ Công ty BGI năm 1977, trực thuộc Liên hiệp Xí nghiệp Rượu Bia – NGK II.
- Trước 01/07/1977, Liên hiệp Xí nghiệp Rượu bia – NGK II (nay là Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn) đại bộ phận là sở hữu của hãng BGI. Hãng BGI đã tổ chức một đội xe với hàng trăm xe tải để vận chuyển toàn bộ hàng hóa, vật tư phục vụ cho sản xuất cũng như tiêu thụ.
- Sau ngày 01/07/1977, hãng BGI được tiếp quản và đổi tên thành Công ty Rượu Bia Miền Nam.
- Đến năm 1995, trước yêu cầu của công tác lưu thông hàng hóa và sự lớn mạnh của đội xe, Xí nghiệp Vận tải chính thức được thành lập trên cơ sở hợp nhất đội xe, phân xưởng sửa chữa ô tô, phân xưởng sản xuất Bao bì và phân xưởng sản xuất nút trực thuộc Tổng Công ty Bia Rượu Nước Giải khát Sài Gòn (SABECO) theo Quyết định số 860/BS-TC ngày 01/05/1995 của Tổng Giám đốc Công ty Bia Sài Gòn. Nhiệm vụ lúc này của Xí nghiệp Vận tải không đơn thuần chỉ làm công tác vận tải mà còn làm công tác khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.
- Năm 2005, xí nghiệp vận tải được cổ phần hóa để chuyển thành Công ty cổ phần theo quyết định số 1935/QĐ-TCCB ngày 1 tháng 6 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.
- Công ty CP vận tải và giao nhận Bia Sài Gòn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003988 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp lần đầu ngày 31/10/2005.



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SÀN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM

Công ty chính thức được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) vào ngày 29/04/2010 theo Quyết định số 87/QĐ-SGDHCM ngày 29/04/2010 của SGDCK TP.HCM với nội dung chính như sau:

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: SBC
- Mã ISIN: VN000000SBC0
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)
- Số lượng cổ phiếu: 8.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá:
80.000.000.000 đồng (tám mươi tỷ đồng).

Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 02/06/2010 với mã chứng khoán là SBC

Phạm vi lĩnh vực hoạt động của Công ty bao gồm:

- Vận tải và giao nhận hàng hóa, vận tải hành khách bằng ô tô
- Sản xuất, mua bán vật tư, phụ tùng, thiết bị vận tải
- Mua bán rượu bia, nước giải khát
- Sửa chữa phương tiện vận tải đường bộ
- Kinh doanh cho thuê nhà xưởng, kho bãi và văn phòng
- Dịch vụ vệ sinh công nghiệp
- Kinh doanh bất động sản
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan.

Từ khi chuyển sang công ty cổ phần, SABETRAJSC có tốc độ tăng trưởng khá cao. Năm 2006, doanh thu đạt 213 tỷ đồng và đã tăng hơn 60%, trong năm 2007 đạt mức 346 tỷ đồng. Sang năm 2008, công ty đạt mức tăng trưởng ấn tượng cả về doanh thu và lợi nhuận sau thuế với kết quả 481 tỷ đồng doanh thu (tăng 40% so với 2007) và 40 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng 789% so với 4.5 tỷ đồng của năm 2007, Công ty cũng đạt tỷ lệ lợi nhuận cao trong năm 2010 - 2011.

MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY

Mục tiêu của Công ty trong những năm tới là trở thành một doanh nghiệp vận tải lớn, chuyên nghiệp của Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn, có năng lực cạnh tranh cao trên tất cả các mặt và có hiệu quả kinh doanh cao nhất, giữ vững vị trí là đơn vị vận chuyển chủ đạo và phục vụ Sabeco tốt nhất. Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra ba tiêu chí sau, làm cơ sở để đánh giá khả năng thực hiện chiến lược phát triển của Công ty:

- Vận chuyển 80% các sản phẩm bia, rượu NGK và vật tư, nguyên vật liệu đầu vào cho các nhà máy, đơn vị hợp tác sản xuất trong toàn hệ thống Sabeco.
- Có chất lượng dịch vụ vận tải nhanh chóng, hiệu quả và an toàn nhất.
- Phương tiện vận chuyển mới, đẹp, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Để thực hiện được mục tiêu phát triển nói trên, Công ty đã xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, bao gồm:

Đầu tư phương tiện vận tải: Công tác đầu tư phương tiện vận tải đã được Công ty rải đều từ năm 2007 đến nay. Tính đến tháng 12/2010, tổng số đầu xe mới của Công ty là 232 chiếc. Sự đầu tư phát triển về số lượng và chất lượng phương tiện vận tải là cơ sở quan trọng để Công ty tăng năng lực vận tải và nâng cao hiệu quả kinh doanh vận tải. Để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ ngày càng tăng của Sabeco (dự kiến là 1,3 tỷ lít trong năm 2011 và 1,7 tỷ lít vào năm 2015), năm 2011 Sabetran dự kiến đầu tư thêm 100 đầu xe có tải trọng từ 16 tấn trở lên để đảm bảo vận chuyển đạt 80% sản lượng tiêu thụ của Sabeco trong các năm đến.

Đầu tư phát triển nguồn nhân lực: Nguồn nhân lực là nhân tố không thể thiếu cho việc thực hiện các mục tiêu chiến lược của Công ty. Bên cạnh việc đào tạo đội ngũ cán bộ chủ chốt - các trưởng phó phòng ban, các đội trưởng đội xe, phân xưởng sửa chữa có năng lực và trình độ chuyên môn cao - Công ty còn chú trọng tuyển dụng và có chế độ đãi ngộ thích đáng những người thực sự có năng lực, trình độ chuyên môn để đảm nhận các vị trí quản lý mà Công ty đang có nhu cầu. Về phía đội ngũ lao động trực tiếp là các lái xe, công ty đặc biệt coi trọng công tác huấn luyện chuyên môn và chấp hành kỷ luật theo quy trình tuyển dụng và đào tạo lái xe để đảm bảo công tác vận tải an toàn, hiệu quả.

Đầu tư phát triển hệ thống quản lý thông tin:

Sự lớn mạnh của các phương tiện vận tải, việc gia tăng sản lượng vận chuyển hàng hóa của hệ thống Sabeco đòi hỏi Công ty phải đầu tư đúng mức vào hệ thống quản lý, đặc biệt là các thiết bị hỗ trợ công tác quản lý, điều hành vận tải. Hiện nay, Công ty đã lắp đặt hệ thống thiết bị định vị GPS để gắn trên mỗi phương tiện vận tải. Thiết bị này sẽ theo dõi hành trình xe, kiểm soát và định vị được vị trí xe đang hoạt động, giúp cán bộ quản lý có thể kiểm soát được mọi hoạt động của xe, nắm bắt trực tuyến các thông tin vận chuyển để có kế hoạch điều độ hợp lý, hiệu quả.

Quản lý Hệ thống theo tiêu chuẩn ISO: nhằm tạo sự phát triển đồng bộ ở tất cả các khâu trong quá trình cung ứng dịch vụ vận chuyển, Công ty đã xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng dịch vụ ISO 9001 - 2008

Đầu tư cho các hoạt động hỗ trợ vận tải: Hướng đến mục tiêu đạt được sự chuyên môn hóa cao trong hoạt động vận chuyển và các hoạt động hỗ trợ vận chuyển, Công ty đang chuẩn bị các nguồn lực để xây dựng các Công ty chuyên trách trong các lĩnh vực có liên quan đến hoạt động vận chuyển như: Công ty bốc xếp đảm nhận toàn bộ các công việc bốc xếp, giao nhận ở các Nhà máy, các kho của hệ thống; Công ty kho bãi chuyên trách về việc thuê, cho thuê bãi đậu xe, kho chứa hàng và Công ty chuyên thực hiện các hoạt động logistics khác.

Từng bước mở rộng đối tượng khách hàng: Trong năm 2010 Công ty đã ký kết các hợp đồng vận chuyển các sản phẩm khác ngoài bia như: sữa Vinamilk, nước ngọt Chương Dương, cao su ... Trong năm 2012 Công ty sẽ tiếp tục nỗ lực để mở rộng đối tượng khách hàng, tăng sản lượng vận chuyển các sản phẩm ngoài bia.



“SABETRAJSC tiếp tục hướng đến một doanh nghiệp vận tải có năng lực cạnh tranh cao và hiệu quả tại Việt Nam.”

03 | HỆ THỐNG QUẢN TRỊ

Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động kinh doanh; quyết định các phương án, nhiệm vụ SXKD và đầu tư; tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm HĐQT, Ban Kiểm soát; và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định của điều lệ.

Hội đồng Quản trị

HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 7 thành viên với nhiệm kỳ là 5 năm. HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty. Các thành viên HĐQT nhóm họp và bầu Chủ tịch HĐQT.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban Kiểm soát có 3 thành viên với nhiệm kỳ là 5 năm do ĐHĐCĐ bầu ra.

Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty gồm có một Tổng Giám đốc và hai Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT về tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty. Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của Tổng Giám đốc.

Ban điều hành hiện nay của Công ty là những người có kinh nghiệm quản lý và điều hành kinh doanh, đồng thời có quá trình gắn bó với Công ty trên 10 năm.

Các phòng chức năng nghiệp vụ gồm:

- | | |
|----------------------------------|-----------------------|
| - Phòng Tổ chức Hành chánh | - Phân xưởng sửa chữa |
| - Phòng Kinh doanh | - Đội xe |
| - Phòng Kế toán | - Tổ kỹ thuật |
| - Phòng Nghiên cứu và Phát triển | |



Các thành viên Hội đồng Quản trị



Ông VẦN THANH LIÊM
Chủ tịch

Ông Văn Thanh Liêm sinh ngày 7/7/1950 tại Nghệ An. Các chức danh ông đang nắm giữ khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn Hà Nam, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn Sông Lam, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn Bình Tây, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn Quảng Ngãi và Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bao bì Sabeco Sông Lam.



Ông NGUYỄN QUANG TIẾP
Thành viên

Ông Nguyễn Quang Tiếp sinh ngày 23/7/1958 tại Hà Nội. Các chức danh ông đang nắm giữ khác: Tổng Giám đốc Sabetran, Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn – Sabetran Miền Bắc, Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn – Sabetran Miền Trung, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, CTCP Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn – Sabetran Miền Tây.



Ông NGUYỄN HOÀI BẮC
Thành viên

Ông Nguyễn Hoài Bắc sinh ngày 4/8/1958 tại Thanh Hóa. Các chức danh ông đang nắm giữ khác: Phó Tổng Giám đốc Sabetran.



Ông ĐÀM PHAN LIÊM
Thành viên

Ông Đàm Phan Liêm sinh ngày 15/07/1966 tại TP. Hồ Chí Minh. Các chức danh ông đang nắm giữ khác: Phó Tổng Giám đốc Sabetran, Thành viên HĐQT Công ty CP Bao bì Sabeco Sông Lam, Thành viên BKS Công ty CP Bia Sài Gòn Bình Tây, Thành viên HĐQT ba công ty Sabetran miền Bắc, miền Trung và miền Tây



Ông NGUYỄN NGỌC XUÂN
Thành viên

Ông Nguyễn Ngọc Xuân sinh ngày 8/05/1960 tại Bến Tre. Các chức danh ông đang nắm giữ khác: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải Giao nhận, Thương mại Quang Châu, Thành viên HĐQT ba công ty Sabetran miền Bắc, miền Trung và miền Tây



Ông NGUYỄN XUÂN HẢI
Thành viên

Ông Nguyễn Xuân Hải sinh ngày 1/08/1958 tại Hà Nội. Các chức danh ông đang nắm giữ khác: Thành viên HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn Hà Nam, Thành viên HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn Sông Lam, Thành viên HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn Bình Tây, Thành viên HĐQT Công ty CP Bao bì Sabeco Sông Lam, Thành viên HĐQT ba công ty Sabetran miền Bắc, miền Trung và miền Tây



Ông NGUYỄN HÙNG DŨNG
Thành viên

Ông Nguyễn Hùng Dũng sinh ngày 1/8/1958 tại Hà Nội. Các chức danh ông đang nắm giữ khác: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran miền Bắc.

Các thành viên Ban Kiểm soát



Ông **NGUYỄN HỮU CHƯƠNG**
Trưởng ban

Ông Nguyễn Hữu Chương sinh ngày 11/09/1958 tại Hà Nội. Các chức danh ông đang nắm giữ khác: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty quản lý quỹ Lộc Việt, Chủ tịch HĐQT Công ty TM & ĐT XNK An Lộc và Thành Viên HĐQT Công ty môi giới bảo hiểm Á Đông.



Bà **NGUYỄN THỊ THÙY LINH**
Thành viên

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh sinh ngày 7/06/1968 tại TP. HCM. Chức danh bà đang nắm giữ khác: Phó phòng Tài chính Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước Giải Khát Sài Gòn.



Bà **LÊ THỊ MAI HƯƠNG**
Thành viên

Bà Lê Thị Mai Hương sinh ngày 14/12/1967 tại TP. HCM. Các chức danh bà đang nắm giữ khác: Phó phòng kế toán Công ty TNHH 1 TV Thương Mại Sabeco và Kế toán trưởng Công ty CP Thương mại Sabeco Trung tâm

Các thành viên Ban Điều hành



Ông **NGUYỄN QUANG TIẾP**
Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Tiếp sinh ngày 23/7/1958 tại Hà Nội.

Các chức danh ông đang nắm giữ khác: Thành viên Hội đồng Quản trị Sabetran, Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Vận tải và Giao nhận Bĩa Sài Gòn – Sabetran Miền Bắc, Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Vận tải và Giao nhận Bĩa Sài Gòn – Sabetran Miền Trung, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, CTCP Vận tải và Giao nhận Bĩa Sài Gòn – Sabetran Miền Tây.



Ông **ĐÀM PHAN LIÊM**
Phó Tổng Giám đốc

Ông Đàm Phan Liêm sinh ngày 15/07/1966 tại TP. Hồ Chí Minh.

Các chức danh ông đang nắm giữ khác: Thành viên Hội đồng Quản trị Sabetran, Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Bao bì Sabeco Sông Lam, Thành viên BKS Công ty CP Bĩa Sài Gòn Bình Tây, Thành viên Hội đồng Quản trị ba công ty Sabetran miền Bắc, miền Trung và miền Tây.



Ông **NGUYỄN HOÀI BẮC**
Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hoài Bắc sinh ngày 4/8/1958 tại Thanh Hóa.

Các chức danh ông đang nắm giữ khác: Thành viên Hội đồng Quản trị Sabetran.



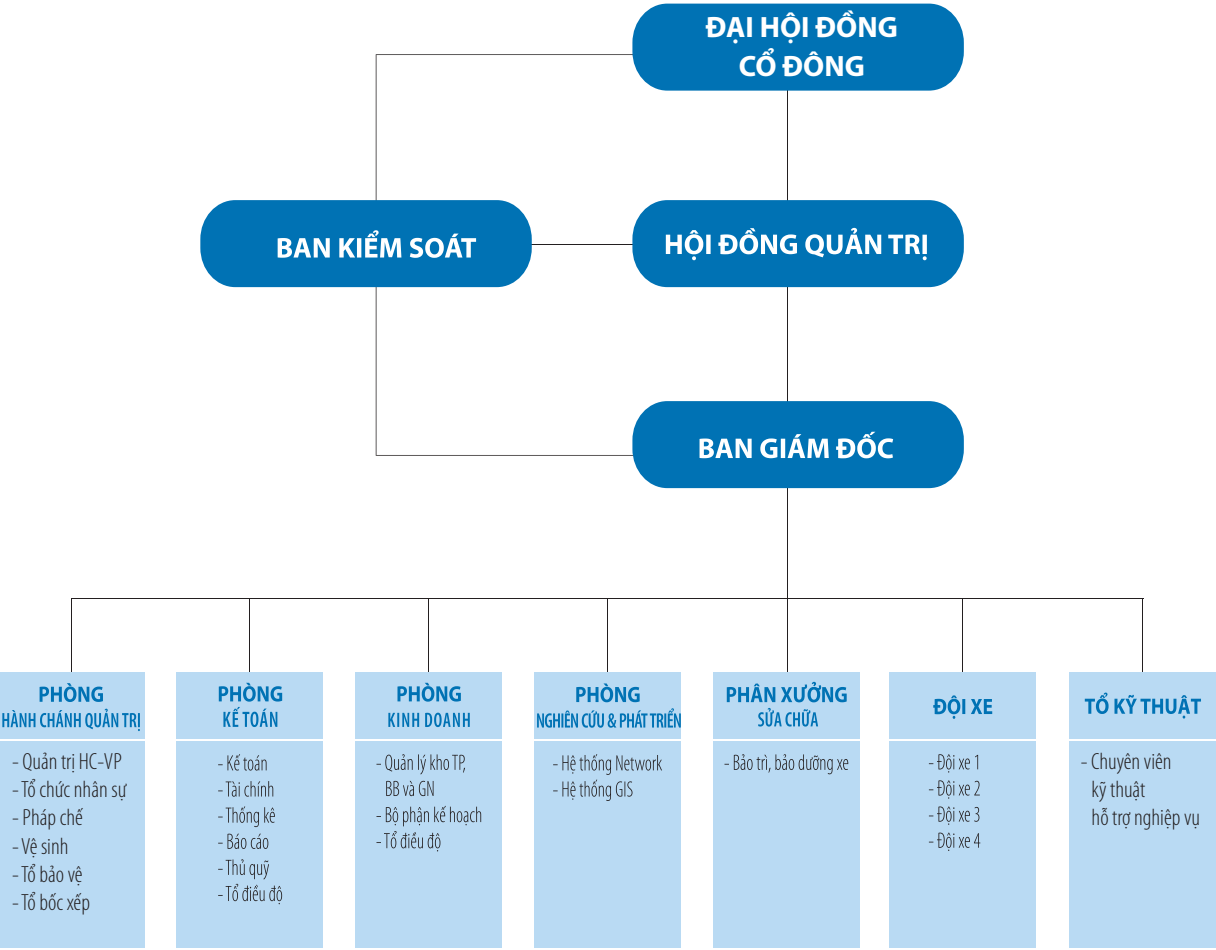
Ông **TRẦN BÌNH NAM**
Kế toán trưởng

Ông Trần Bình Nam sinh ngày 08/06/1965 tại TP. Hồ Chí Minh.

Các chức danh ông đang nắm giữ khác: không.

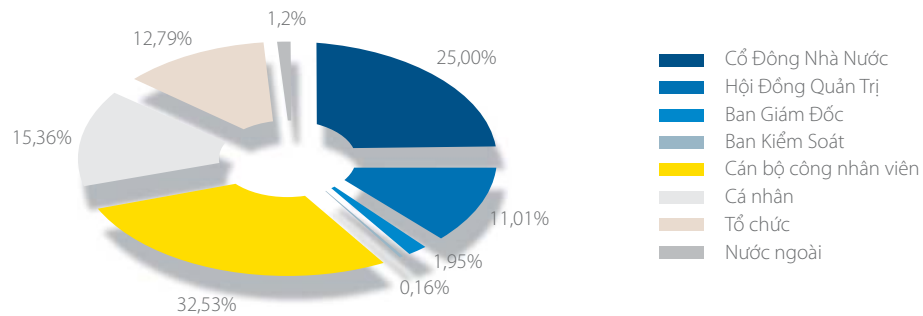
Sơ đồ tổ chức

Hệ thống kiểm tra giám sát tại SABETRAN JSC được xây dựng ngày càng hoàn thiện theo mô hình:



04 | CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG



BIỂU ĐỒ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG NĂM 2011

(Tính đến thời điểm ngày 17/02/2012)

Cơ cấu cổ đông

STT	THÀNH PHẦN	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ (VNĐ)	TỶ LỆ
I	Cổ đông Nhà nước	2.000.000	20.000.000.000	25,00%
II	Cổ đông nội bộ	1.049.984	10.499.840.000	13,12%
01	Hội đồng quản trị	880.710	8.807.100.000	11,01%
02	Ban Giám đốc	156.274	1.562.740.000	1,95%
03	Ban Kiểm soát	13.000	130.000.000	0,16%
III	Cổ đông trong công ty:	2.602.158	26.021.580.000	32,53%
01	Cổ phiếu quỹ	0	0	0,00%
02	Cán bộ công nhân viên	2.602.158	26.021.580.000	32,453%
IV	Cổ đông ngoài công ty	2.347.858	23.478.580.000	29,35%
01	Cá nhân	1.229.078	12.290.780.000	15,36%
02	Tổ chức	1.022.798	10.227.980.000	12,79%
03	Nước ngoài	95.982	889.420.000	1,2%
Cộng		8.000.000	80.000.000.000	100%

04 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (tiếp)

Danh sách cổ đông lớn

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần đến ngày 17/2/2011

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
I	Đại diện phần vốn Nhà nước: Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn (SABECO) Ông Văn Thanh Liêm – Chủ tịch Hội đồng Quản trị - là Đại diện cho phần vốn Nhà nước	Số 6, Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	2.000.000	25%
II	Cổ đông khác: Nguyễn Thị Hạnh	50/2 Trần Hưng Đạo, Phường 2, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh	458.410	5.7%
	Cộng		2.458.410	30.7%

Danh sách cổ đông sáng lập

Bảng 2: Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của cổ đông sáng lập ở thời điểm hiện tại

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Tổng công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn	2.000.000	25%
2	Công ty cổ phần Vận tải và Thương mại.	156.800	1,96%
3	Công ty cổ phần Vận Tải, Giao nhận, Thương mại Quang Châu	179.200	2,24%
	Tổng cộng	2.336.000	29.2%

Danh sách cổ đông nước ngoài

Bảng 3: Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của cổ đông nước ngoài

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	QUỐC TỊCH	NHÀ ĐẦU TƯ	TỔNG SỐ CP
1	Hayashi Yasuhiro	Japan	Cá nhân	1,000
2	Kadota Yo	Japan	Cá nhân	10,800
3	Karakawa Hiromi	Japan	Cá nhân	40
4	Shiratori Jinichi	Japan	Cá nhân	200
5	Takeda Haruhiko	Japan	Cá nhân	1,000
6	Wataru Miyazawa	Japan	Cá nhân	200
7	Wu Bin	China	Cá nhân	72,712
8	Yabi Taichi	Japan	Cá nhân	3,500
9	Yamazaki Atsushi	Japan	Cá nhân	100
10	Yuichiro Inchinose	Japan	Cá nhân	100
11	AIZAWA SECURITIES CO., LTD	Japan	Tổ chức	1,400
12	IWAI SECURITIES CO., LTD	Japan	Tổ chức	2,000
13	NEW-S SECURITIES CO., LTD	Japan	Tổ chức	2,780
14	SBI SECURITIES CO., LTD	Japan	Tổ chức	150
	Tổng cộng			95,982

05 | HỆ THỐNG CÔNG TY CON

DANH SÁCH CÔNG TY CON

Bảng 4: Tỷ lệ cổ phần sở hữu, vốn góp, vốn đầu tư của các Công ty con

STT	CÔNG TY CON	TỶ LỆ CỔ PHẦN SỞ HỮU (theo vốn điều lệ của Công ty con)	TỶ LỆ VỐN GÓP THỰC TẾ	VỐN ĐẦU TƯ
1	Công ty cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran - Miền Bắc	51%	51%	13.770.000.000
2	Công ty cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran - Miền Trung	51%	51%	13.770.000.000
3	Công ty cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Miền Tây	51%	51%	13.770.000.000

Công ty CP Vận tải & Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran miền Bắc được thành lập trên mô hình hoạt động của Công ty CP Vận tải & GN Bia Sài Gòn, có chức năng chính phục vụ vận tải thành phẩm bia và chai kết toàn bộ phía Bắc, vận chuyển phục vụ Nhà máy bia Sông Lam, Công ty CP Bao bì Sông Lam...

Công ty CP Vận tải & Giao nhận Bia SG Sabetran miền Trung được thành lập cũng theo mô hình trên có chức

năng chính phục vụ vận tải thành phẩm bia và chai kết toàn bộ khu vực miền Trung, vận chuyển phục vụ Nhà máy bia Quảng Ngãi.

Công ty CP Vận tải & Giao nhận Bia Sài Gòn miền Tây được thành lập cũng theo mô hình trên có chức năng chính phục vụ vận tải thành phẩm bia và chai kết toàn bộ khu vực miền Tây, vận chuyển phục vụ Nhà máy bia Vĩnh Long.

ĐIỂM MẠNH

- Công ty có mục tiêu và tầm nhìn rõ ràng, cụ thể.
- Chiến lược tối thiểu hóa chi phí đã thực hiện những năm qua cho thấy hướng đi đúng đắn của Công ty. Chi phí giá thành của công ty hiện nay rẻ hơn so với chi phí ngành.
- Ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến hiện đại, phát triển phần mềm tin học quản lý văn phòng và phương tiện theo hướng hiện đại hóa.
- Công ty đang là đơn vị vận chuyển độc quyền của Sabeco.
- Công ty có đội ngũ nhân viên có trình độ và kỹ năng cũng như kinh nghiệm làm việc lâu năm trong ngành vận tải. Những nhân lực chủ chốt trong các phòng ban đều có tài và tận tâm trong công việc. Các lãnh đạo cao cấp đều có kinh nghiệm lâu năm trong ngành.
- Hiệu quả hoạt động công ty rất tốt. Thương hiệu SABETRAN bắt đầu có chỗ đứng và đang được nhận biết.
- Nguồn tài chính công ty vững mạnh và minh bạch.
- Văn hóa tự giác và nghiêm túc được hình thành từ mỗi thành viên trong Công ty.

ĐIỂM YẾU

- Công ty đã tạo dựng được thương hiệu riêng nhưng còn phụ thuộc vào thương hiệu Sabeco.
- Đội ngũ quản lý kế cận còn yếu, còn tồn tại những tính cách và thói quen không phù hợp cho công việc. Một số vị trí công việc thiếu sự đào tạo chính quy và bài bản.
- Văn hóa công ty đã có nhưng chưa được chấp hành nghiêm.

CƠ HỘI

- Sabeco tiếp tục đà tăng trưởng về sản lượng tiêu thụ bia. Hệ thống các Nhà máy sản xuất của Sabeco được mở rộng ở khắp các miền trong cả nước. Đây cũng là cơ hội cho việc giảm chi phí vận chuyển của SABETRAN.
- SABETRAN mở rộng hoạt động vận tải sang nhiều lĩnh vực khác ngoài các sản phẩm của Sabeco.
- SABETRAN cũng mở rộng ngành nghề hoạt động theo hướng vận chuyển đa phương thức và logistic.

THÁCH THỨC

- Sự cạnh tranh trong lĩnh vực vận tải ngày càng gay gắt.
- Ngành vận tải lại chịu ảnh hưởng lớn của giá nhiên liệu.
- Ngoài ra ngành vận tải cũng chịu ảnh hưởng lớn của chính sách pháp luật và thi hành pháp luật trong từng thời điểm.



“CHỜ NHỮNG NIỀM TIN”

Với đội ngũ nhân viên có trình độ, kinh nghiệm làm việc lâu năm, cùng việc đầu tư cao vào phương tiện và trang thiết bị, SABETRA nỗ lực không ngừng để duy trì niềm tin của khách hàng và khẳng định hình ảnh một thương hiệu được tín nhiệm cao trong ngành vận tải bia nói riêng và các lĩnh vực vận tải khác nói chung.





KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2011

07 | BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động kinh doanh vận chuyển Công ty năm 2011

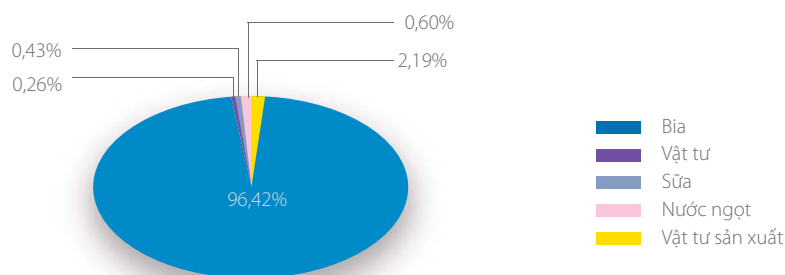
Sản lượng vận chuyển:

Doanh thu hoạt động kinh doanh vận tải của Công ty được hình thành từ các nguồn:

- Doanh thu từ vận chuyển sản phẩm cho Sabeco
- Doanh thu từ vận chuyển sản phẩm cho Vinamilk
- Doanh thu từ vận chuyển nước ngọt Chương Dương
- Doanh thu từ vận chuyển cao su
- Doanh thu từ vận chuyển nguyên liệu, vật tư, chai két phục vụ sản xuất

KHÁCH HÀNG	SẢN PHẨM	DOANH THU (đồng)	TỈ TRỌNG (%)
Sabeco	Bia	779,829,804,474	96.42
Cao su	Cao su	2,104,194,823	0.26
Vinamilk	Sữa	3,515,614,800	0.43
Chương Dương	Nước ngọt	5,906,030,150	0.69
Nhà máy - T Mại	Vật tư sản xuất, bao bì chai kiện	17,685,910,254	2.19
TỔNG DOANH THU		808,755,333,974	100.00

Nhìn chung, doanh thu từ hoạt động vận chuyển bia vẫn đang chiếm tỉ trọng chủ yếu trong tổng doanh thu của Công ty

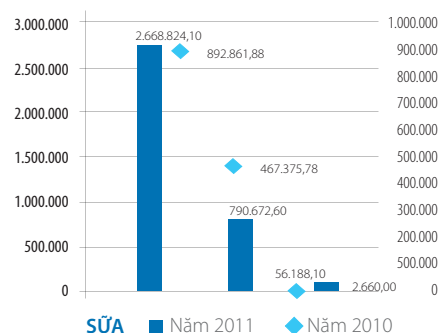


BIỂU ĐỒ SO SÁNH DOANH THU CÁC MẶT HÀNG VẬN CHUYỂN

Kết quả hoạt động vận chuyển năm 2011 so với năm 2010:

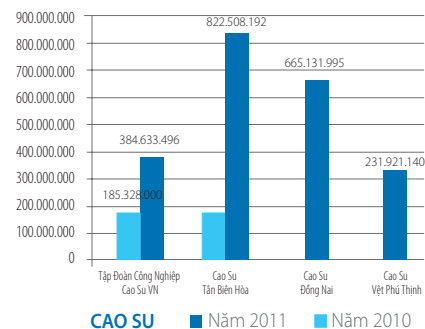
Sữa:

MẶT HÀNG	ĐVT	NĂM 2010	NĂM 2011	TĂNG TRƯỞNG (3)=(2)/(1) -100%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(3)-100%
Sữa	Đồng	892,861,881	2,668,824,096	199%
Nước giải khát		467,375,780	790,672,600	69%
Pallette		2,660,000	56,118,104	2010%
TỔNG DOANH THU		1,362,897,661	3,515,614,800	158%



Cao su:

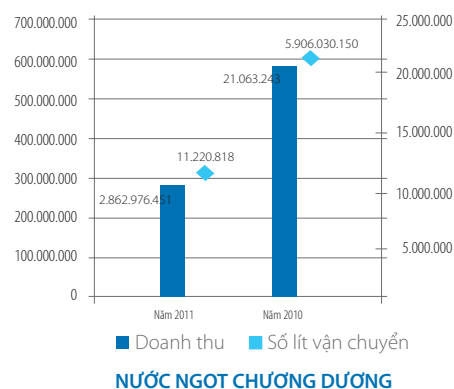
ĐƠN VỊ	ĐVT	NĂM 2010	NĂM 2011	TĂNG TRƯỞNG
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(3)-100%
Tập đoàn công nghiệp cao su VN	Đồng	185,328,000	384,633,496	207.54
Cao su Tân Biên		184,734,000	822,508,192	445.24
Cao su Đồng Nai			665,131,995	10000
Cao su Việt Phú Thịnh			231,921,140	10000
TỔNG DOANH THU		370,062,000	2,104,194,823	568.61



Với đặc thù riêng, từ tháng 2 đến tháng 5, cây cao su thay lá nên các nông trường ngưng khai thác. Do đó, thời gian vận chuyển cao su chỉ thực hiện 8 tháng/ năm. Tuy nhiên, trong năm 2011, chúng ta đã tiến hành ký Hợp đồng vận chuyển thêm hai khách hàng mới là Công ty Cao su Đồng Nai và Việt Phú Thịnh nên doanh thu năm 2011 tăng vọt so với năm 2010.

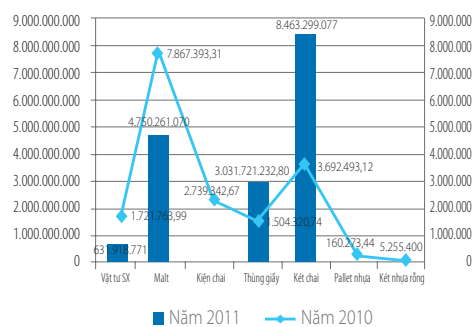
Nước Ngọt Chương Dương.

CHỈ TIÊU	NĂM 2010 (1)	NĂM 2011 (2)	TĂNG TRƯỞNG (3)=(2)/(1) -100%
Số lít vận chuyển	11,220,818	21,063,243	187.72
Doanh thu	2,862,976,451	5,906,030,150	206.29

**Vật tư sản xuất, bao bì chai kiện:**

Công tác vận chuyển này đã được chúng ta thực hiện tốt đã từng bước khẳng định được vai trò của mình trong hệ thống Sabeco và hiện nay, chúng ta đang giao kết hợp đồng vận chuyển vật tư sản xuất cho 22 nhà máy sản xuất của Sabeco. Doanh thu được thể hiện qua bảng sau:

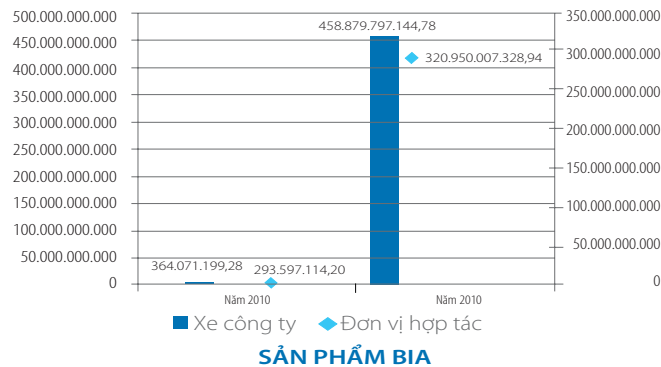
MẶT HÀNG	ĐVT	NĂM 2010	NĂM 2011	TĂNG TRƯỞNG
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4/3 -100%)
Vật tư sx	Đồng	631,918,771.00	1,721,763,985	172.47 %
Malt		4,750,261,070.00	7,867,393,307	65.62%
Kiện chai		1,654,225,877	2,739,342,669	65.60%
Thùng giấy		3,031,721,232.80	1,504,320,736	-50.38%
Kết chai		8,463,299,077.00	3,692,493,117	-56.37%
Pallet nhựa		763,190,140.00	160,273,440	-79.00%
Kết nhựa rỗng		5,255,400.00	323,000	-93.85%
TỔNG CỘNG		19,299,871,567.80	17,685,910,254	-8.36%



Sản phẩm bia:

Công tác vận chuyển này đã được chúng ta thực hiện tốt đã từng bước khẳng định được vai trò của mình trong hệ thống Sabeco và hiện nay, chúng ta đang giao kết hợp đồng vận chuyển vật tư sản xuất cho 22 nhà máy sản xuất của Sabeco. Doanh thu được thể hiện qua bảng sau:

ĐƠN VỊ VC	ĐVT	NĂM 2010	NĂM 2011	TĂNG TRƯỞNG
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(3) - 100%
ĐV hợp tác	Đồng	293,597,114,198	320,950,007,328.94	9.32
Tỉ trọng	%	37.19	41.64	
Xe Công ty	Đồng	364,071,199,277	458,879,797,144.78	26.04
Tỉ trọng	%	62.81	58.84	
TỔNG DOANH THU		657,668,313,475	779,829,804,473.72	18.57

**Thống kê tình hình tai nạn trong hoạt động vận chuyển:**

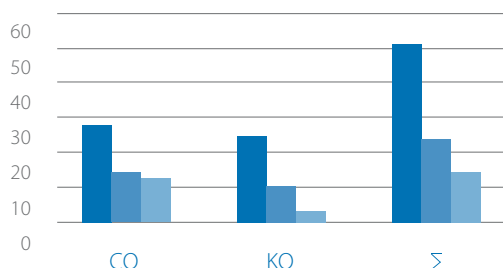
Cả năm 2011 số vụ tai nạn của xe ô tô vận tải hàng hóa của Công ty là 15 vụ và tỷ lệ số vụ tai nạn trên số lượng xe khoảng 11.6% (năm 2010 là 24 vụ và khoảng 18%). Trong đó tai nạn do chủ quan là 16(12) vụ và chiếm tỷ lệ khoảng 12%(9.3%) (năm 2010 là 14 vụ và khoảng 10.5%) nó được thể hiện cụ thể của từng đội xe như sau:

Đội xe	Nơi gây tai nạn				Tai nạn / Số lượng xe				Tổng				Số ngày xe không HĐ		Ghi chú
	Trên đường		Kho, bãi		Trên đường		Kho, bãi		Tai nạn		Tỷ lệ				
	2010	2011	2010	2011	2010	2011	2010	2011	2010	2011	2010	2011	2010	2011	
1	5	7	4	4	11%	11.8%	8.9%	6.8 %	9	11	20%	18.6%	137	168	Có 18 ngày không HĐ do tai nạn của năm 2010 qua
2	2	1	1	0	8.3%	4.2%	4.2%	0.0%	3	1	12.5%	4.2%	305	03	
3	0	0	0	0	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0	0	0.0%	0.0%	6	0	
4	1	0	1	0	2.3%	0.0%	2.3%	0.0%	2	0	4.5%	0.0%	20	0	

Qua bảng tổng kết trên, thì tai nạn do chủ quan năm 2011 so với năm 2010 của đội xe 2,3,4 giảm cả số vụ cũng như tỷ lệ. Đội 1 tuy tăng 02 vụ nhưng tỷ lệ lại giảm 1.4% vì năm 2011 số lượng xe tăng thêm 14 xe (59 / 45)

	CQ	KQ	Σ
2009	27	24	51
2010	14	10	24
2011	12	3	15

SỐ LƯỢNG XE TAI NẠN

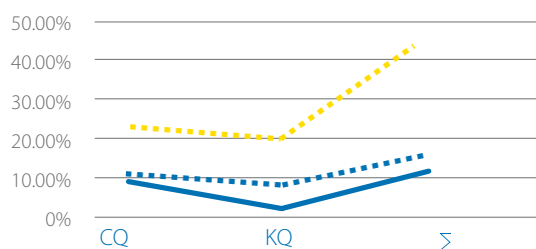


BIỂU ĐỒ TỶ LỆ TAI NẠN TRONG NĂM / SỐ LƯỢNG XE

■ 2009 ■ 2010 ■ 2011

	CQ	KQ	Σ
2009	23.1%	20.5%	43.6%
2010	10.5%	7.5%	18.0%
2011	9.3%	2.3%	11.6%

TỶ LỆ TAI NẠN



BIỂU ĐỒ TỶ LỆ TAI NẠN DO CHỦ QUAN THEO QUÝ / SỐ LƯỢNG XE

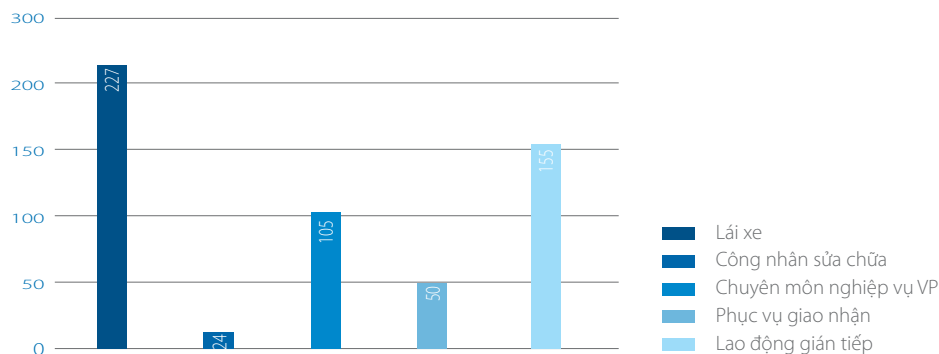
--- 2009 --- 2010 — 2011

TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng quan về tình hình nhân sự 2011

Tổng số lao động của Công ty đến 31/12/2011 là 406 người (trong đó 37 nữ)

- Lao động trực tiếp : 251 người
- + Lái xe: 227 người
- + Công nhân sửa chữa: 24 người
- Chuyên môn nghiệp vụ văn phòng: 105 người
- Phục vụ giao nhận: 50 người
- Lao động gián tiếp: 155 người



BIỂU ĐỒ LAO ĐỘNG CÔNG TY NĂM 2011

(Đơn vị tính: lao động)

Chế độ chính sách đối với người lao động

- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật. Một trăm phần trăm số lao động làm việc ký hợp đồng lao động với công ty được Công ty trích nộp Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế. Một trăm phần trăm lao động làm việc tại công ty được ký các loại hợp đồng lao động từ 1-3 năm hoặc không xác định thời hạn.
- Công tác chăm sóc sức khỏe, khám bệnh năm luôn được Công ty thực hiện đầy đủ. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ năm 2010: 347 người. Công ty mua Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho người lao động.
- Công tác chăm sóc đời sống CBCNV cũng được HĐQT và Ban Điều hành quan tâm đúng mức. Trong năm qua Công ty đã nâng lương bình quân và nâng thu nhập cho toàn thể cán bộ công nhân viên lên 30%. Đời sống CB-CNV được nâng cao.
- Công ty cũng tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ các hoạt động của tổ chức Công đoàn. Hàng năm tổ chức tham quan, du lịch, nghỉ mát cho người lao động.

KẾ HOẠCH VẬN CHUYỂN NĂM 2012**Sản phẩm Bia:**

Căn cứ vào Kế hoạch sản xuất năm 2012 và Kế hoạch tiêu thụ bình quân tuần do Công ty thương mại xây dựng, Phòng Kinh doanh xây dựng kế hoạch phân bổ vận chuyển với những chỉ tiêu cơ bản dự báo tình hình hoạt động vận chuyển bia năm 2012 của Công ty như sau:

ĐƠN VỊ	MÃ	SẢN LƯỢNG VẬN CHUYỂN						THỂ TÍCH (Lít)
		KẾT BIA 450	KẾT BIA 355	BIA 333 C	B. LON 333	KẾT BIA 330	T BIA 330	
SABECO MIỀN BẮC	CP10	2,300	1,600	3,000	67,000		8,500	33,996,560
SABECO BẮC T BỘ	CP20	51,600	14,900	1,900	41,500		3,400	48,923,992
SABECO MIỀN TRUNG	CP30	50,300	49,100		105,100		2,700	86,064,472
SABECO TÂY NGUYÊN	CP40	51,400	190,300		73,600	3,800		125,929,544
SABECO NAM T BỘ	CP50	181,600	112,000		95,700	3,600		166,987,808
SABECO MIỀN ĐÔNG	CP60	26,100	198,300		129,000	7,300		141,059,880
SABECO SÔNG TIỀN	CP70	31,400	242,800		88,500	9,900		144,182,480
SABECO SÔNG HẬU	CP80	26,400	246,100		73,900	3,800		134,954,456
SABECO TRUNG TÂM	CP90	6,200	365,830		330,160	12,300		278,160,490
CTY TMAI	TMDV	207,674	525,127		137,040			347,506,874
TỔNG CỘNG		634,974	1,946,057	4,900	1,141,500	40,700	14,600	1,507,766,556

Ghi chú:

- Đơn giá tính doanh thu: áp dụng đơn giá 695 đồng / lít
- Đơn giá tính chi phí vận chuyển: áp dụng đơn giá được ký kết với các Đơn vị vận chuyển đối tác năm 2011.

07 | BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp)

Để đảm bảo hoàn thành mục tiêu tiêu thụ 1.250.000.000 lít bia trong năm 2012, Phòng Kinh doanh ước tính các chỉ tiêu vận chuyển kế hoạch như sau:

Chỉ tiêu 2012	Toàn hệ thống	Vượt tuyến	Tỷ trọng (%)
Thể tích vận chuyển (lít)	1,507,766,556	419,354,874	27.81
Chi phí (đồng)	773,201,209,040	585,490,504,485	75.72
Khối lượng vận chuyển (Tấn_Km)	2,065,221,854	1,642,585,654	79.54
Doanh thu (đồng)	882,260,879,706	212,028,892,400	24.03

Với sản lượng kế hoạch tiêu thụ năm 2012 tăng 5% so với sản lượng tiêu thụ thực tế năm 2011, Công ty CP vận tải và giao nhận bia Sài Gòn dự kiến sẽ phải chuyển bia từ các NM tại Miền Bắc, Bắc Trung Bộ và Quảng Ngãi ngược vào vùng tiêu thụ ở phía Nam và Tây Nguyên, đồng thời tải một lượng bia lớn từ TP. Hồ Chí Minh đến các vùng tiêu thụ tại khu vực Tây Nguyên, Nam Trung với số lít vận chuyển là 419,354,874 lít, chiếm 27.81% trên tổng lít bia vận chuyển toàn hệ thống; khối lượng vận chuyển chiếm đến 79,54%, tiêu tốn chi phí là 585,490,504,485 đồng, chiếm 75,72% trên tổng chi phí vận chuyển.

Sản phẩm khác:

- **Sữa:** khả năng không tăng sản lượng vận chuyển trong năm 2012 để đảm bảo đầu xe phục vụ công tác vận chuyển bia.
- **Chương Dương:** sản lượng kế hoạch năm 2012: 42 triệu lít, tăng 5%, doanh thu kế hoạch ước tính là 20,580,000,000.
- **Cao su:** duy trì sản lượng vận chuyển của năm 2011.
- **Vật tư sản xuất:** với sản lượng sản xuất năm 2012 tăng 5% so với sản lượng thực tế sản xuất năm 2011, ước tính doanh thu kế hoạch từ hoạt động vận chuyển lĩnh vực này khoảng 18,5 tỷ đồng.



Thay mặt Hội đồng Quản trị, Chủ tịch HĐQT xin trân trọng báo cáo với Đại hội các hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2011 và phương hướng hoạt động trong năm 2012 như sau:

I. NHỮNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2011:

Như trong phần Báo cáo của Tổng giám đốc đã trình bày, năm 2011 Công ty gặp rất nhiều khó khăn từ ảnh hưởng trực tiếp của suy thoái kinh tế, đó là sự tăng giá của xăng dầu tăng lên 60%, các yếu tố chi phí đầu vào tăng mạnh, vấn đề kiểm soát tải trọng xe và cầu đường nghiêm ngặt, sản lượng vận chuyển đường dài tăng.... Tất cả những yếu tố trên đã làm tăng chi phí Công ty rất lớn.

Trước tình hình khó khăn của Công ty, Hội đồng quản trị đã vào cuộc, có thể nói năm nay là năm HĐQT phải họp nhiều nhất, có tháng cao điểm lên đến 3-4 cuộc họp trong một tháng, tổng các cuộc họp của HĐQT trong năm là 10 cuộc chưa kể những cuộc với Công ty TNHH 1TV TM Sabeco và những cuộc trao đổi nhanh.

Mục tiêu đặt ra là phải đạt được sự thương thảo với Công ty TNHH TM 1TV Sabeco để điều chỉnh đơn giá vận chuyển hợp lý giúp tăng doanh thu của Công ty. Với những nỗ lực của HĐQT, đặc biệt là vai trò của Chủ tịch HĐQT, quá trình thương lượng với Công ty TNHH 1TV TM Sabeco cũng đạt được những kết quả nhất định, cuối cùng đơn giá vận chuyển khoán theo lít của Công ty ký với Công ty TNHH 1TV TM Sabeco đã được tăng lên 17%, từ 590đồng/lít lên 695đồng/lít. Đây là một thành công lớn, đánh giá nỗ lực hoạt động của HĐQT trong năm qua. Kết quả này giúp Công ty tháo gỡ rất nhiều khó khăn, giúp Công ty hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2011 do Đại hội đồng cổ đông đề ra và chi trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 20%.

Ngoài ra trước tình hình chi phí vận chuyển bằng ô tô ngày càng tăng cao, sản lượng vận chuyển đường dài chiếm tỷ trọng lớn, Hội đồng quản trị đã đề ra giải pháp thay đổi chiến lược vận chuyển. Theo đó:

- Vận chuyển đường sắt sẽ đóng vai trò xương sống, chịu trách nhiệm vận chuyển toàn bộ các tuyến đường dài từ bắc vào nam. Xe của Công ty chỉ đảm nhận phần còn lại có cự ly ngắn từ các ga đến các kho. Ví dụ: Bia từ các nhà máy phía Bắc như Vĩnh Phúc, Thái Bình, Phú lý... sẽ được vận chuyển bằng đường sắt vào đến ga Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Quy nhơn, ga Sóng thần.... Từ đó Bia sẽ được vận chuyển bằng đường bộ đến các tỉnh Tây nguyên và Nam trung bộ, Nam bộ.... Như vậy cự ly vận chuyển bằng đường bộ sẽ ngắn hơn, chi phí thấp hơn, hiệu quả vận tải cao hơn.

- Khoanh vùng vận chuyển theo khu vực. Hội đồng quản trị giao cho các Giám đốc các Sabetran khu vực chịu trách nhiệm đảm nhận toàn bộ sản lượng vận chuyển ở khu vực mình phụ trách. Chẳng hạn: Giám đốc sabetran Miền Bắc sẽ đảm nhận toàn bộ sản lượng vận chuyển của các Nhà máy phía bắc để chở đến các ga tàu lửa. Giám đốc Sabetran Miền Trung đảm nhận công tác vận chuyển bia lon từ Nhà máy Quảng Ngãi đi các tỉnh Tây nguyên không qua trung chuyển, đảm nhận công tác vận chuyển bia từ Miền trung vào các tỉnh Nam trung bộ. Giám đốc Sabetran Miền Tây phụ trách vận chuyển toàn bộ khu vực miền Đông nam bộ, vận chuyển bia từ TP. HCM về các tỉnh miền tây.

Về dự án đầu tư tại 78 Tôn Thất Thuyết

Theo sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã tiếp tục triển khai Dự án đầu tư xây dựng tòa nhà hỗn hợp làm văn phòng cho thuê và căn hộ tại 78 Tôn Thất Thuyết với Công ty CP tập đoàn Trung thủy. Hiện nay Dự án đã hoàn tất các thủ tục pháp lý, đang trong giai đoạn triển khai xây dựng.

Vấn đề thù lao HĐQT năm 2011

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2011 đã phê duyệt thù lao HĐQT năm 2011 không vượt quá 0,5% Doanh thu năm 2011, tương đương 4.421.985.700đồng. Tổng số thù lao và chi phí cho HĐQT năm 2011 là: 1.025.000.000đồng (một tỷ không trăm hai mươi lăm triệu đồng), thấp hơn mức thù lao năm 2010 năm trăm triệu đồng (thù lao HĐQT năm 2010 là 1.510.824.000đồng. Như vậy mức thù lao HĐQT năm 2011 chỉ bằng 23% mức phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2012:

HĐQT xác định mục tiêu chiến lược của năm 2012 vẫn là tập trung mọi nguồn lực về phương tiện vận tải và nguồn nhân lực để phục vụ các kế hoạch vận chuyển của SABECO tốt nhất. Trên cơ sở định hướng đó, HĐQT sẽ có những chỉ đạo cụ thể nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty, tiết kiệm chi phí và đem lại lợi nhuận trong năm 2012. Các hoạt động của HĐQT trong năm 2012 tập trung ở một số mặt sau:

1. Cải tổ lại bộ máy quản lý và điều hành của Công ty để đảm bảo tăng cường hiệu quả quản lý và điều hành vận tải.

Hiện nay nhân sự của Công ty tương đối đủ về số lượng và chất lượng tuy nhiên chưa được sắp xếp hợp lý dẫn đến chưa tập trung, chưa khai thác được sức mạnh để phục vụ các chiến lược phát triển của Công ty trong từng thời điểm. Năm 2012 Hội đồng quản trị sẽ có một số cải cách đối với bộ máy nhân sự để có thể đáp ứng được các yêu cầu phát triển của Công ty trong những năm đến.

2. Xây dựng và ban hành đơn giá vận chuyển chuẩn, hợp lý trong toàn hệ thống.

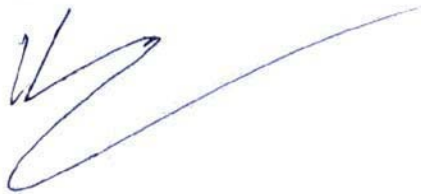
Năm nay HĐQT cũng sẽ cùng Ban điều hành tập trung xây dựng đơn giá vận chuyển chuẩn, công khai, minh bạch và cạnh tranh. Hội đồng quản trị đã thành lập Ban xây dựng đơn giá để quyết định đơn giá vận chuyển dựa trên cơ sở khoa học và thực tế. Đây là cơ sở quan trọng để HĐQT quản lý có hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Nâng cao chất lượng phương tiện vận tải và dịch vụ vận tải.**4. Tăng cường công tác kiểm soát chi phí của Công ty.**

Trên đây là những định hướng chính về các hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2012. Trong quá trình lãnh đạo và quản lý, tùy vào điều kiện thực tế HĐQT sẽ có những biện pháp và cách thức quản lý phù hợp nhằm giúp Công ty phát triển và kinh doanh có hiệu quả.

TM. Hội Đồng Quản Trị

Chủ tịch



VĂN THANH LIÊM

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH VÀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, KIỂM SOÁT NĂM 2011 CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ Ban Kiểm Soát được quy định trong điều lệ của Cty CP Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn .
- Căn cứ các quy định về chế độ kế toán và hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
- Căn cứ vào nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông các nghị quyết của HĐQT . Cty CP Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn .
- Căn cứ vào tình hình hoạt động công ty . Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo của Ban Kiểm Soát trong năm 2011

Ban Kiểm Soát báo cáo trước Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 về tình hình hoạt động của Ban Kiểm Soát thực hiện chức năng nhiệm vụ theo điều lệ công ty năm 2010 với các nội dung sau :

- Tình hình thực hiện nghị quyết của Đại Hội Cổ Đông của Hội Đồng Quản Trị , Tổng giám đốc . Ban lãnh đạo điều hành hoạt động .
- Báo cáo hoạt động kinh doanh , công tác quản lý tài chính , kế toán.

1. Báo cáo giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và công tác quản lý điều hành Công ty.

- Trong năm 2011 Hội Đồng Quản Trị đã tổ chức 10 cuộc họp Ban hành nghị quyết
- Qua kiểm tra giám sát , Ban Kiểm Soát nhận thấy HĐQT , Tổng giám đốc và Ban điều hành đã tổ chức triển khai và thực hiện đầy đủ các quyết định của Đại hội đồng -cổ đông thường niên năm 2011
- Hoạt động của công ty tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật có liên quan . Tình hình tài chính công ty lành mạnh .
- Kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông
- Thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các Quỹ năm 2011 đúng theo nghị quyết Đại hội cổ đông thông qua 2011

2. Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh theo nghị quyết đại hội cổ đông năm 2011

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2010	2011		SO SÁNH	
		KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TH:2011 TH:2010	TH:2011 KH:2011
Tổng doanh thu	706,505	777,320	905,795	128%	117%
Tổng chi phí	652,142	756,667	904,842	139%	120%
Lợi nhuận trước thuế	54,363	20,653	0,953		
Trích các quỹ	5,045	2,072			
Chia cổ tức	40%	20%	20%		

3. Hiệu quả sử dụng tài sản cố định / TSCĐ

CHỈ TIÊU	ĐVT	2010	2011
Doanh thu thuần	Triệu đồng	668,624	884,397
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	54,363	
Nguyên giá TSCĐ	Triệu đồng	113,981	128,189
Hiệu suất TSCĐ	Triệu đồng	7,94	13,70
Tỷ suất sinh lời / TSCĐ	Triệu đồng	42%	1%

- Năm 2011 tỷ suất sinh lời trên TSCĐ sụt giảm mạnh so với năm 2010
- Đầu tư nhiều xe ô tô mang lại hiệu quả kinh tế chưa cao nguyên nhân do chi phí nguyên liệu cao , các chi phí liên quan đến vận tải tăng cao : chi phí nhân công , phí cầu đường , bốc xếp , các loại phí giao nhận trên đường _ chi phí vật tư vận tải tăng cao ... Bên cạnh đó việc Ban giám đốc, Hội Đồng Quản Trị thương thảo với Tổng Công Ty Rượu Bia Nước Giải Khát Sài Gòn về đơn giá vận chuyển thực hiện chậm do còn các biến động

của Tổng công ty về thanh kiểm tra của các cơ quan chức năng nhà nước nên không bù đắp kịp thời các chi phí đang bị tăng lên liên tục do bị khủng hoảng của nền kinh tế bị ảnh hưởng.

- Để nghị thương thảo về giá cước vận chuyển với Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn trên cơ sở bình đẳng, có tính cạnh tranh cao và phù hợp với thị trường. Cụ thể, trong thời gian tới giá cước phải được xác định thông qua đấu giá như các loại hình dịch vụ khác mà Sabeco đang thực hiện như : Cung ứng dịch vụ, cung ứng vật tư, thiết bị.

4. Tình hình quản lý công nợ

CHỈ TIÊU	ĐVT	2010	2011	SO SÁNH
Phải thu khách hàng	Triệu đồng	87,462	166,395	1 90%
Phải trả người bán	Triệu đồng	42,940	159,947	3 72%
Kỳ thu tiền bình quân	Triệu đồng	40	52	12

Phải thu của khách hàng tăng 90% tương đương 78,9tỷ . Do tình hình nền kinh tế nhiều biến động lãi suất tăng cao , các doanh nghiệp bán hàng chậm lưu chuyển hàng hóa .. v.v Việc thu hồi nợ của công ty có nhiều khó khăn . Việc nợ phải trả của công ty tăng lên tương ứng .

. Về thặng dư vốn cổ phần:

Theo thông tư 18/2007/TT-BTC ngày 13/03/2007 của bộ tài chính việc mua bán cổ phiếu và trường hợp phát hành thêm cổ phiếu của công ty đại chúng . Việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công Ty Cổ Phần Giao Nhận Bia Sài Gòn _ khoản thặng dư vốn cổ phần 27,496 tỷ phải chia lại cho cổ đông dưới dạng cổ phiếu thưởng - Tăng vốn điều lệ để tăng vốn, tăng năng lực cạnh tranh trong tình hình hiện tại của nền kinh tế đất nước - tăng tiềm lực vận chuyển - Sức mạnh của công ty .

. Về dự án đầu tư tại 78 Tôn Thất Thuyết , Quận 4 TP. HCM.

HĐQT và Ban giám đốc nên có phương án nhanh đúng mục đích sử dụng kêu gọi các đối tác ngoài công ty bỏ vốn đầu tư nhanh mang lại hiệu quả cao cho kết quả sản xuất kinh doanh trong những năm sau này .

Trên đây là một số nội dung thực hiện trong quá trình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2011 trình Báo cáo Đại hội , Hội đồng cổ đông . Thay mặt Ban Kiểm Soát tôi xin cảm ơn Ban giám đốc , HĐQT , toàn thể các cán bộ nhân viên , phòng kế toán đã hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ . Cảm ơn các cổ đông đã tín nhiệm các thành viên thực hiện nhiệm vụ Kiểm soát trong năm vừa qua.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

TP HCM, ngày 03 tháng 03 năm 2012

TM. Ban Kiểm soát

Trưởng Ban



NGUYỄN HỮU CHƯƠNG

CÁC DANH HIỆU THI ĐUA ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2011

Đề nghị giấy khen C Ty TNHH 1 TV Thương Mại Sa Be Co:

Giấy khen Tổng công ty CP Bia rượu nước giải khát Sài Gòn:

Tập thể lao động xuất sắc Tổng công ty:

CÔNG TÁC XÃ HỘI - TỪ THIỆN - VÌ CỘNG ĐỒNG

Tổng số tiền chăm lo người nghèo phường 16 Quận 4: 10.000.000 đồng

Ủng hộ C. An P. 16 Q. 4 + C.An PCCC Q. 4: 24.000.000 đồng

Góp đá Trường Sa: 70.729.676 đồng

Ủng hộ Công An PC 45: 20.000.000 đồng

Đóng góp XD Chùa Đại Tuệ Nam Đàn – Nghệ An: 500.000.000 đồng

Hỗ trợ Đài Tiếng nói ND TP. HCM xây nhà tình nghĩa: 20.000.000 đồng

Ủng hộ lập sổ tiết kiệm cho CNV Đài: 5.000.000 đồng

Ủng hộ Nhật Bản bị sóng thần, động đất: 259.026.720 đồng

“HOÀN THIỆN CHẤT LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN & DỊCH VỤ VẬN TẢI”

Trong năm qua, Sabetran không ngừng đầu tư vào phương tiện và dịch vụ vận tải. Số lượng xe được gia tăng thêm, Sabetran sẽ áp dụng giải pháp vận tải đường sắt cho dịch vụ vận chuyển đường dài, tạo khả năng đáp ứng nhu cầu khách hàng một cách tốt nhất, phong phú nhất.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011

11 | BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vinatec và Giao nhận Bina Sài Gòn là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp Vận tải theo Quyết định số 1935/QĐ-TCCB ngày 01 tháng 6 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003988 ngày 31 tháng 10 năm 2005 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần 1 đến lần 4 về việc tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành, nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh như sau:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cổ phần Bina rượu và Nước giải khát Sài Gòn	20.000.000.000	25,00
Các cổ đông khác	60.000.000.000	75,00
Cộng	80.000.000.000	100,00

Theo Quyết định số 87/QĐ-SGDHCM ngày 29 tháng 4 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vinatec và Giao nhận Bina Sài Gòn được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 29 tháng 4 năm 2010, cụ thể như sau:

- Mã chứng khoán: SBC
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 VND.
- Số lượng: 8.000.000 cổ phiếu.
- Tổng mệnh giá chứng khoán niêm yết: 80.000.000.000 VND.

Hoạt động của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách bằng ô tô;
- Sản xuất, mua bán vật tư, phụ tùng, thiết bị vận tải;
- Mua bán rượu bia, nước giải khát;
- Sửa chữa phương tiện vận tải đường bộ;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng;
- Dịch vụ vệ sinh công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản.
- Dịch vụ xử lý dữ liệu.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Lợi nhuận năm 2011 giảm so với năm trước do ảnh hưởng của biến động tăng giá nhiên liệu và chi phí vận chuyển thuê ngoài cũng như cung đường vận chuyển tăng do Tổng Công ty Bina rượu và Nước giải khát Sài Gòn đưa vào hoạt động 4 nhà máy sản xuất bia ở phía Bắc.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 42).

Trong năm, Công ty chia cổ tức năm 2010 cho các cổ đông với tỷ lệ 40% mệnh giá với số tiền 32.000.000.000 VND theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2011.

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban điều hành khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Văn Thanh Liêm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Tiếp	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Xuân	Thành viên
Ông Nguyễn Hoài Bắc	Thành viên
Ông Đàm Phan Liêm	Thành viên
Ông Nguyễn Hùng Dũng	Thành viên

Ban Kiểm soát

• Ông Nguyễn Hữu Chương	Trưởng ban
• Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên
• Bà Lê Thị Mai Hương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

• Ông Nguyễn Quang Tiếp	Tổng Giám đốc
• Ông Nguyễn Hoài Bắc	Phó Tổng Giám đốc
• Ông Đàm Phan Liêm	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vinatec và Giao nhận Bina Sài Gòn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2012

Thay mặt Hội đồng quản trị,

Chủ tịch

VĂN THANH LIÊM

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN (A&C)
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Báo cáo kiểm toán số:
0388/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về báo cáo tài chính 2011
của Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn

Kính gửi: Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 01 tháng 3 năm 2012, từ trang 06 đến trang 42 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính để cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2012

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN (A&C)

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



NGUYỄN CHÍ DŨNG

HỒ VĂN TÙNG

Chứng chỉ kiểm toán viên số: D.0100/KTV

Chứng chỉ kiểm toán viên số: D.0092/KTV

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		240,599,233,006	180,910,042,309
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	32,757,251,952	31,263,117,799
1.	Tiền	111		32,757,251,952	31,263,117,799
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	24,055,200,000
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	24,055,200,000
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		199,063,394,376	120,678,143,676
1.	Phải thu khách hàng	131	V.2	166,394,719,115	87,461,711,525
2.	Trả trước cho người bán	132	V.3	11,126,985,461	22,087,737,703
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.4	21,541,689,800	11,128,694,448
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		1,695,897,643	1,080,954,992
1.	Hàng tồn kho	141	V.5	1,695,897,643	1,080,954,992
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		7,082,689,035	3,832,625,842
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	1,353,392,341	2,082,683,143
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.7	2,562,446,992	433,455,294
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	3,166,849,702	1,316,487,405
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		145,567,887,701	147,007,637,455
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		71,203,817,532	90,005,491,369
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	71,203,817,532	76,914,140,958
	Nguyên giá	222		128,188,705,724	113,981,184,631
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56,984,888,192)	(37,067,043,673)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	Nguyên giá	228		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	-	13,091,350,411
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	Nguyên giá	241		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		43,030,000,000	43,030,000,000
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.11	41,310,000,000	41,310,000,000
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	2,350,000,000	2,350,000,000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.13	(630,000,000)	(630,000,000)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		31,334,070,169	13,972,146,086
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	31,334,070,169	13,972,146,086
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		386,167,120,707	327,917,679,764

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		234,194,981,029	148,452,501,616
I. Nợ ngắn hạn	310		212,386,168,715	107,424,326,179
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	18,756,000,000	14,799,612,000
2. Phải trả người bán	312	V.17	159,946,855,592	42,939,557,440
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	5,863,177,319	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	400,318,593	4,672,773,057
5. Phải trả người lao động	315	V.20	3,213,562,006	3,019,999,525
6. Chi phí phải trả	316	V.21	19,547,698,944	30,990,268,263
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	669,509,962	280,013,235
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	3,989,046,299	10,722,102,659
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		21,808,812,314	41,028,175,437
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	21,500,538,878	40,793,971,878
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.25	308,273,436	234,203,559
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		151,972,139,678	179,465,178,148
I. Vốn chủ sở hữu	410		151,972,139,678	179,465,178,148
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	80,000,000,000	80,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.26	27,496,000,000	27,496,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.26	16,596,027,258	16,596,027,258
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.26	8,000,000,000	8,000,000,000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26	19,880,112,420	47,373,150,890
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		386,167,120,707	327,917,679,764

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

LÊ THỊ THU HÀ

TRẦN BÌNH NAM



NGUYỄN QUANG TIẾP

Mẫu số B 02- DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	884,397,144,767	668,624,450,330
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	884,397,144,767	668,624,450,330
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	853,767,302,111	590,241,569,728
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30,629,842,656	78,382,880,602
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10,642,662,281	12,537,062,051
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4,847,850,563	6,885,701,962
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4,847,850,563	6,705,701,962
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	10,228,100,031	9,420,233,750
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	25,299,109,269	23,578,405,402
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		897,445,074	51,035,601,539
11. Thu nhập khác	31	VI.7	56,349,473	25,343,230,545
12. Chi phí khác	32	VI.8	306,869	22,015,749,376
13. Lợi nhuận khác	40		56,042,604	3,327,481,169
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		953,487,678	54,363,082,708
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	-	5,777,592,280
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		953,487,678	48,585,490,428
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



LÊ THỊ THU HÀ



TRẦN BÌNH NAM



NGUYỄN QUANG TIẾP

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		953,487,678	54,363,082,708
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9	19,980,468,295	21,072,464,459
- Các khoản dự phòng	03		-	180,000,000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 7	(10,164,802,694)	(14,846,909,428)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	4,847,850,563	6,705,701,962
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		15,617,003,842	67,474,339,701
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(84,818,013,971)	(45,579,098,202)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(614,942,651)	(107,341,393)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		110,437,583,867	1,955,665,700
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(16,632,633,281)	(15,052,377,802)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(5,473,720,084)	(6,915,807,828)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.19	(2,128,991,698)	(13,193,106,996)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		200,000,000	1,904,500,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(15,260,121,833)	(11,106,110,209)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1,326,164,191	(20,619,337,029)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, 10	(1,178,794,458)	(17,467,575,120)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	9,025,000	25,336,528,590
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6,781,927,200)	(114,055,200,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		33,184,512,431	140,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(27,610,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10,261,801,739	2,941,700,628
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		35,494,617,512	9,145,454,098
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16	(15,337,045,000)	(19,177,612,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.26	(19,989,602,550)	(26,163,827,783)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(35,326,647,550)	(45,341,439,783)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1,494,134,153	(56,815,322,714)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	31,263,117,799	88,078,440,513
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	32,757,251,952	31,263,117,799

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

LÊ THỊ THU HÀ

TRẦN BÌNH NAM



NGUYỄN QUANG TIẾP

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh:** Dịch vụ, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh:** Kinh doanh vận tải hàng hóa.
- Nhân viên:** Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 382 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31/12/2010 là 383 nhân viên).
- Những ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Công ty**
Lợi nhuận năm 2011 giảm so với năm trước do ảnh hưởng của biến động tăng giá nhiên liệu và chi phí vận chuyển thuê ngoài cũng như cung đường vận chuyển tăng do Tổng Công ty Bia rượu và Nước giải khát Sài Gòn đưa vào hoạt động 4 nhà máy sản xuất bia ở phía Bắc.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính:** Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị sử dụng tiền tệ trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC & CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam:** Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng:** Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.
- Hàng tồn kho:**
 - Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
 - Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.
- Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**
 - Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.
 - Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập căn cứ vào việc đánh giá khả năng thu hồi của từng khoản nợ.
- Tài sản cố định hữu hình:**
 - Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.
 - Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.
 - Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	6 -> 25 năm
Máy móc và thiết bị	6 -> 7 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 -> 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 -> 5 năm

6. Tài sản thuê hoạt động:

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

8. Đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con được ghi nhận theo giá gốc.
- Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.
- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

9. Chi phí trả trước dài hạn:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí xây dựng bãi đỗ xe: Chi phí xây dựng bãi đỗ xe tại Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 10 năm.

Chi phí khác

Chi phí thuê đất, bảo hiểm, thuê bãi xe, thuê văn phòng... được phân bổ vào chi phí trong năm theo thời hạn của hợp đồng.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí.

- Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải chi trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Cổ tức: Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong năm cổ tức được công bố.**14. Trích lập các quỹ**

Các quỹ được trích lập và sử dụng như sau:

- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,.... Mức trích lập quỹ dự phòng tài chính là 10% lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi được dùng để khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

- Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

- Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

- Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài

sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thu nhập và chi phí

Dịch vụ vận chuyển

- Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển bia được ghi nhận theo số lít bia xuất bán từ các nhà máy sản xuất cho các công ty đảm nhận việc tiêu thụ sản phẩm bia trực thuộc Tổng Công ty Bia rượu và Nước giải khát Sài Gòn (thương mại Sabeco).
- Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển các mặt hàng khác được ghi nhận căn cứ vào biên bản xác định khối lượng từng chuyến vận chuyển và khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo
- Chi phí liên quan đến dịch vụ vận chuyển được ghi nhận khi phát sinh.

Bán hàng hóa

- Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.
- Chi phí liên quan đến bán hàng hóa được ghi nhận phù hợp với doanh thu

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý, tài sản tài chính khác được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính này được xác định theo giá trị hợp lý.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

- Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ

đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

- Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

- Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.
- Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.
- Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.3.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	12.556.000	38.725.000
Tiền gửi ngân hàng	32.744.695.952	31.224.392.799
Cộng	32.757.251.952	31.263.117.799

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	159.836.031.468	84.996.670.766
Phải thu khách hàng khác	6.558.687.647	2.465.040.759
Cộng	166.394.719.115	87.461.711.525

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	3.999.134.507
Các nhà cung cấp khác	11.126.985.461	18.088.603.196
Cộng	11.126.985.461	22.087.737.703

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân nhân viên trước cổ phần hóa	4.977.363	4.977.363
Phải thu về cổ phần hóa	195.251.931	195.251.931
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	1.674.357.378
Phải thu cổ tức	8.262.000.000	6.693.666.667
BHXX, BHYT phải thu của người lao động	88.394.864	61.405.503
Thu tiền khách hàng hộ cho Công ty		
Cổ phần Nước giải khát Chương Dương	505.817.351	1.128.923.464
Phải thu Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam ⁽ⁱ⁾	10.953.799.853	-
Phải thu khác	1.531.448.438	1.370.112.142
Cộng	21.541.689.800	11.128.694.448

(i) Công ty cho Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam vay theo Hợp đồng số 63/CPVT/2011 ngày 08 tháng 9 năm 2011 với lãi suất là 14%/năm, tiền gốc được thanh toán làm 6 kỳ, kỳ thanh toán cuối cùng là ngày 10 tháng 4 năm 2012. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam chưa thanh toán nợ vay đến hạn trong năm 2011 là 4.037.464.701 VND.

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	1.689.719.575	1.074.596.909
Công cụ, dụng cụ	6.178.068	6.358.083
Cộng	1.695.897.643	1.080.954.992

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước công cụ, dụng cụ	42.712.232	299.243.081
Chi phí mua bảo hiểm	719.687.318	602.359.597
Chi phí thuê tài sản	179.063.400	101.029.908
Chi phí khác	411.929.391	1.080.050.557
Cộng	1.353.392.341	2.082.683.143

7. Thuế và khoản phải thu Nhà Nước

Khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	3.066.849.702	1.216.487.405
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	100.000.000	100.000.000
Cộng	3.166.849.702	1.316.487.405

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	126.000.000	99.401.400	110.165.020.251	3.590.762.980	113.981.184.631
Tăng trong năm	-	341.000.000	13.351.008.142	578.136.727	14.270.144.869
Mua sắm mới	-	341.000.000	90.000.000	578.136.727	1.009.136.727
Kết chuyển từ chi phí dở dang về mua sắm tài sản	-	-	13.261.008.142	-	13.261.008.142
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(62.623.776)	(62.623.776)
Số cuối năm	126.000.000	440.401.400	123.516.028.393	4.106.275.931	128.188.705.724
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	1.578.164.786	410.647.392	1.988.812.178
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	62.580.000	43.441.936	36.168.474.870	792.546.867	37.067.043.673
Khấu hao trong năm	25.550.000	56.106.565	18.703.357.902	1.195.453.828	19.980.468.295
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(62.623.776)	(62.623.776)
Số cuối năm	88.130.000	99.548.501	54.871.832.772	1.925.376.919	56.984.888.192
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	63.420.000	55.959.464	73.996.545.381	2.798.216.113	76.914.140.958
Số cuối năm	37.870.000	340.852.899	68.644.195.621	2.180.899.012	71.203.817.532
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số phương tiện vận tải có nguyên giá là 97.935.557.479 VND và giá trị còn lại 51.634.320.498 VND (năm trước là 123.797.331.923 VND và 86.591.688.599 VND) đã được thế chấp cho các khoản vay dài hạn tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.24).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Số đầu năm	13.091.350.411
Chi phí phát sinh trong năm	169.657.731
Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	(13.261.008.142)
Số cuối năm	-

11. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bía Sài Gòn Sabetran Miền Bắc ⁽ⁱ⁾	1.377.000	13.770.000.000	1.377.000	13.770.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bía Sài Gòn Sabetran Miền Trung ⁽ⁱⁱ⁾	1.377.000	13.770.000.000	1.377.000	13.770.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bía Sài Gòn Sabetran Miền Tây ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.377.000	13.770.000.000	1.377.000	13.770.000.000
Cộng		41.310.000.000		41.310.000.000

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001595 ngày 18 tháng 9 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, vốn đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bía Sài Gòn Sabetran Miền Bắc là 13.770.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3403000139 ngày 20 tháng 9 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp, vốn đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bía Sài Gòn Sabetran Miền Trung là 13.770.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 54.0.3.000059 ngày 6 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, vốn đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bía Sài Gòn Sabetran Miền Tây là 13.770.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.

12. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu:				
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực				
Thực phẩm Sabeco	90.000	1.350.000.000	90.000	1.350.000.000
Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn Phú Lý	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Cộng		2.350.000.000		2.350.000.000

13. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(630.000.000)	(450.000.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(180.000.000)
Số cuối năm	(630.000.000)	(630.000.000)

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	-	3.858.981
Tiền thuê văn phòng trả trước	4.305.600.000	6.696.781.200
Tiền thuê xe trả trước	234.000.000	514.800.000
Tiền thuê đất trả trước	4.736.842.104	6.000.000.000
Chi phí xây dựng bãi đỗ xe	20.107.683.636	-
Chi phí khác	1.949.944.429	756.705.905
Cộng	31.334.070.169	13.972.146.086

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có khoản lỗ tính thuế là 6.613.531.676 VND.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho khoản lỗ tính thuế này vì khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai là không chắc chắn.

16. Vay và nợ ngắn hạn

Các khoản vay dài hạn đến hạn trả với chi tiết phát sinh như sau:

	Số đầu năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Sài Gòn	14.378.000.000	18.134.000.000	(13.756.000.000)	18.756.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn	421.612.000	1.159.433.000	(1.581.045.000)	-
Cộng	14.799.612.000	19.293.433.000	(15.337.045.000)	18.756.000.000

17. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan	109.808.916.759	26.005.469.921
Các nhà cung cấp khác	50.137.938.833	16.934.087.519
Cộng	159.946.855.592	42.939.557.440

18. Người mua trả tiền trước

Phản ánh khoản trả tiền trước của các bên liên quan.

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.105.674.372	4.881.404.962	(8.599.606.209)	387.473.125
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(433.455.294)	-	(2.128.991.698)	(2.562.446.992)
Thuế thu nhập cá nhân	567.098.685	7.167.670.818	(7.721.924.035)	12.845.468
Tiền thuê đất	-	500.000.000	(500.000.000)	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	4.239.317.763	12.552.075.780	(18.953.521.942)	(2.162.128.399)

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho loại hình vận chuyển, hoạt động cho thuê kho bãi, thương mại là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính.

Năm tài chính 2006 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi. Năm 2011 là năm thứ 6 kể từ khi hoạt động kinh doanh có lãi nên được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm nay được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	953.487.678	54.363.082.708
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.194.875.719	1.337.615.643
Thu nhập chịu thuế	2.148.363.397	55.700.698.351
Thu nhập được miễn thuế	(8.761.895.073)	(6.843.561.740)
Thu nhập tính thuế	(6.613.531.676)	48.857.136.611
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	-	12.214.284.153
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	(6.107.142.076)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	-	6.107.142.076
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước	-	(329.549.796)
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	5.777.592.280

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 23.990 m² đất đang sử dụng theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định

20. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả nhân viên.

21. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê xe vận chuyển	16.152.875.711	27.020.840.700
Chi phí lãi vay ngân hàng	1.164.239.949	1.790.109.470
Chi phí phải trả khác	2.230.583.284	2.179.318.093
Cộng	19.547.698.944	30.990.268.263

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	159.408.262	-
Nhận ký quỹ	4.042.500	4.042.500
Cổ tức lợi nhuận phải trả	377.075.000	247.216.875
Các khoản phải trả, phải nộp khác	128.984.200	28.753.860
Cộng	669.509.962	280.013.235

23. Quỹ khen thưởng

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	10.722.102.659	7.298.028.588
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	4.858.549.043
Tăng khác	-	4.500.000
Chi quỹ trong năm	(6.733.056.360)	(1.438.974.972)
Số cuối năm	3.989.046.299	10.722.102.659

24. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Sài Gòn ⁽ⁱ⁾	21.500.538.878	39.634.538.878
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾	-	1.159.433.000
Cộng	21.500.538.878	40.793.971.878

(i) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Nam Sài Gòn theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số TA0907.07/HĐTD ngày 08 tháng 11 năm 2007 để đầu tư mua tài sản là phương tiện vận tải với lãi suất 0,808%/tháng, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số TD.1320.09/HĐTD ngày 24 tháng 7 năm 2009 để nhập khẩu ủy thác phương tiện vận tải với lãi suất bằng lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước cộng 2%, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp bằng một số tài sản cố định hữu hình của Công ty.

(ii) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 09.006.0012/HĐTD ngày 05 tháng 8 năm 2009 để đầu tư mua tài sản là phương tiện vận tải với lãi suất 9,6%/năm, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số kết chuyển	Số cuối năm
Ngân hàng Phát triển nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Sài Gòn	39.634.538.878	(18.134.000.000)	21.500.538.878
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn	1.159.433.000	(1.159.433.000)	-
Cộng	40.793.971.878	(19.293.433.000)	21.500.538.878

25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	234.203.559	183.508.746
Số trích lập trong năm	147.932.889	102.419.788
Số chi trong năm	(73.863.012)	(51.724.975)
Số cuối năm	308.273.436	234.203.559

26. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chi cổ tức năm trước	19.989.602.550	14.467.505.333
Tạm ứng cổ tức	-	11.696.322.450
Cộng	19.989.602.550	26.163.827.783

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD**1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.989.403.120	1.636.689.985
- Doanh thu bán hàng hóa	881.407.741.647	666.987.760.345
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần	884.397.144.767	668.624.450.330

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	2.811.345.715	1.538.417.536
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	850.955.956.396	588.703.152.192
Cộng	853.767.302.111	590.241.569.728

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	486.884.587	1.227.337.378
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.393.882.621	4.466.162.933
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.761.895.073	6.843.561.740
Cộng	10.642.662.281	12.537.062.051

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	4.847.850.563	6.705.701.962
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn		180.000.000
Cộng	4.847.850.563	6.885.701.962

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	8.783.039.731	7.145.790.046
Chi phí ngu yên liệu, vật liệ u	314.039.488	230.216.218
Chi phí khấu hao tài sản cố định	113.251.416	54.771.188
Chi phí dịch vụ mua ngoài	648.425.180	1.766.488.388
Chi phí bằng tiền khác	369.344.216	222.967.910
Cộng	10.228.100.031	9.420.233.750

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	13.246.129.100	10.275.331.264
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	971.302.499	1.125.454.978
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.285.671.780	347.041.996
Thuế, phí và lệ phí	503.000.000	2.396.002.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.828.708.373	6.142.535.714
Chi phí bằng tiền khác	1.464.297.517	3.292.038.950
Cộng	25.299.109.269	23.578.405.402

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	9.025.000	25.336.528.590
Thu nhập khác	47.324.473	6.701.955
Cộng	56.349.473	25.343.230.545

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	-	21.799.343.835
Chi phí khác	306.869	216.405.541
Cộng	306.869	22.015.749.376

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	43.561.053.581	38.296.830.670
Chi phí nhân công	55.584.841.220	45.453.562.035
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.980.468.295	21.072.464.459
Chi phí dịch vụ mua ngoài	764.844.827.960	510.878.544.820
Chi phí khác	2.511.974.640	6.000.389.360
Cộng	886.483.165.696	621.701.791.344

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Áp dụng quy định kế toán mới**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.6 đến VII.10 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Theo thỏa thuận trong Hợp đồng hợp tác đầu tư số 81/HĐHTĐT/SGB-TTG ngày 26 tháng 10 năm 2009 giữa Công ty với Công ty Cổ phần Tập đoàn Trung Thủy, hai bên cùng hợp tác đầu tư xây dựng tòa nhà cao cấp hỗn hợp làm văn phòng cho thuê và căn hộ dịch vụ (bán và cho thuê) tại số 78 Tôn Thất Thuyết, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh với vốn đầu tư dự kiến 950.000.000.000 VND. Công ty góp vốn bằng quyền thuê khu đất 22.990 m² tại số 78 Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh. Hiện tại dự án đang được triển khai và Công ty đã di chuyển trụ sở về số 19A đường Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh. Trụ sở văn phòng cũ hiện đang được dọn dẹp để xây dựng tòa nhà văn phòng theo dự án nêu trên.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao thành viên Hội đồng quản trị	1.342.099.986	1.510.824.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	3.514.759.116	2.781.987.230
Cộng	4.856.859.102	4.292.811.230

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn
 Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại
 Công ty Cổ phần Vận tải Giao nhận và Thương mại Quang Châu
 Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sài Gòn 9
 Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran Miền Bắc
 Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran Miền Trung
 Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Miền Tây
 Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco

Mối quan hệ

Cổ đông sáng lập nắm giữ 25,00% vốn điều lệ
 Cổ đông sáng lập nắm giữ 1,96% vốn điều lệ
 Cổ đông sáng lập nắm giữ 2,24% vốn điều lệ
 Cổ đông sáng lập nắm giữ 1,40% vốn điều lệ
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Miền Trung
 Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Tây Nguyên
 Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Nam Trung Bộ
 Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Miền Đông
 Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Sông Tiền
 Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Sông Hậu
 Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây
 Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Trung Tâm
 Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây
 Công ty Cổ phần Bao bì Sài Gòn
 Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây
 Công ty Cổ phần Bia rượu Sài Gòn Đồng Xuân
 Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Phú Yên
 Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Hà Nam
 Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Hà Nội
 Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Phú Thọ
 Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Quảng Ngãi
 Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bạc Liêu
 Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Nghệ Tĩnh
 Công ty Cổ phần Bia Nước giải khát Sài Gòn Tây Đô
 Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Sông Lam
 Công ty Cổ phần Bao bì Sabeco Sông Lam
 Công ty TNHH Một thành viên Co Kahi Sabeco
 Công ty Cổ phần Nước khoáng Đa chi
 Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Thực phẩm Sabeco
 Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Phú Lý
 Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam

Công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco
Công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco
Công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco
Công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco
Công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco
Công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco
Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn
Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn
Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn
Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn
Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn
Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn
Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn
Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn
Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn
Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn
Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn
Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn
Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn
Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỰ DO - BÌNH ĐẲNG

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn và các chi nhánh		
Mua đầu DO và thùng giấy	48.789.150	64.356.500
Thuế GTGT	4.878.915	6.435.650
Doanh thu vận chuyển bia và vật tư	587.219.000	551.650.220
Thuế GTGT	58.721.900	55.165.022
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại		
Chi phí cung cấp dịch vụ vận chuyển	23.885.469.806	23.660.778.505
Thuế GTGT	2.388.546.981	2.366.077.851
Doanh thu bán thùng giấy	7.404.589	1.637.975
Thuế GTGT	740.459	163.797
Công ty Cổ phần Vận tải Giao nhận và Thương mại Quang Châu		
Chi phí cung cấp dịch vụ vận chuyển	86.663.601.128	73.253.997.545
Thuế GTGT	8.666.360.113	7.325.399.754
Doanh thu bán thùng giấy	22.490.125	9.782.704
Thuế GTGT	2.249.013	978.270
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sài Gòn 9		
Chi phí cung cấp dịch vụ vận chuyển	29.575.848.421	22.374.446.351
Thuế GTGT	2.957.584.843	2.237.444.635
Chi phí thuê kho tại Thời An	172.260.000	-
Thuế GTGT	17.226.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran Miền Bắc		
Chi phí cung cấp dịch vụ vận chuyển	98.583.343.858	73.200.845.583
Thuế GTGT	9.858.334.385	7.320.084.558
Doanh thu cho thuê xe, bán thùng giấy, vật tư	936.094.372	9.655.175.278
Thuế GTGT	72.917.341	965.517.528
Cổ tức	2.754.000.000	2.934.000.000
Chi phí chi hộ	24.775.100	-
Chi phí thu hộ	55.540.154	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran Miền Trung		
Chi phí cung cấp dịch vụ vận chuyển	153.046.879.490	84.215.251.335
Thuế GTGT	15.304.687.948	8.421.525.133
Chi phí mua vật liệu	82.137.151	-
Thuế GTGT	8.213.714	-
Doanh thu cho thuê xe, bán thùng giấy, vật tư	1.778.478.743	5.774.153.498
Thuế GTGT	177.847.874	577.415.350
Cổ tức	2.754.000.000	2.934.000.000
Chi phí công tác chi hộ	61.882.101	-
Chi phí thu hộ	4.208.422	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran Miền Tây		
Chi phí cung cấp dịch vụ vận chuyển	93.166.204.887	41.972.300.392
Thuế GTGT	9.316.620.490	4.197.230.039
Doanh thu cho thuê xe, bán thùng giấy, vật tư	2.823.660.330	13.578.185.997
Thuế GTGT	282.366.033	1.357.818.600
Cổ tức	2.754.000.000	-
Chi phí chi hộ	24.775.100	825.666.667
Chi phí thu hộ	4.893.692	-
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco		
Doanh thu vận chuyển bia và vật tư	10.738.708.616	7.463.173.374
Thuế GTGT	1.073.870.862	746.317.337
Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Miền Trung và các chi nhánh		
Doanh thu vận chuyển bia và vật tư	30.043.572.999	47.756.911.951
Thuế GTGT	3.004.357.300	4.775.691.195
Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Tây Nguyên và các chi nhánh		
Doanh thu vận chuyển bia và vật tư	86.122.774.845	69.793.551.923
Thuế GTGT	8.612.277.484	6.979.355.192
Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Nam Trung Bộ và các chi nhánh		
Doanh thu vận chuyển bia và vật tư	97.155.644.009	100.527.803.963
Thuế GTGT	9.715.564.401	10.052.780.396
Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Miền Đông và các chi nhánh		
Doanh thu vận chuyển bia và vật tư	121.382.608.467	83.876.547.840
Thuế GTGT	12.138.260.847	8.387.654.784
Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Sông Tiền và các chi nhánh		
Doanh thu vận chuyển bia và vật tư	102.549.189.101	68.404.525.373
Thuế GTGT	10.254.918.910	6.840.452.537

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Sông Hậu và các chi nhánh		
Doanh thu vận chuyển bia và vật tư	89.533.228.504	51.088.136.310
Thuế GTGT	8.953.322.850	5.108.813.631
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây – Nhà máy Bia Sài Gòn Sóc Trăng		
Doanh thu vận chuyển bia và vật tư	1.630.062.690	1.274.955.555
Thuế GTGT	163.006.269	127.495.555
Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Trung Tâm		
Doanh thu vận chuyển bia và vật tư	303.952.170.087	221.312.957.888
Thuế GTGT	30.395.217.009	22.131.295.789
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây		
Doanh thu vận chuyển bia và vật tư	119.445.958	153.388.760
Thuế GTGT	11.944.596	15.338.876
Công ty Cổ phần Bao bì Sài Gòn		
Doanh thu cho thuê kho bãi	336.594.000	910.269.709
Thuế GTGT	33.659.400	91.026.971
Chi phí mua thùng giấy	440.400.000	12.875.000
Thuế GTGT	44.040.000	1.287.500
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Doanh thu vận chuyển rượu và vật tư	20.000.000	-
Thuế GTGT	2.000.000	-
Công ty Cổ phần Bia rượu Sài Gòn Đồng Xuân		
Doanh thu vận chuyển bia và vật tư	144.819.669	73.199.397
Thuế GTGT	14.481.967	7.319.940
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Hà Nam		
Doanh thu vận chuyển bia và vật tư	70.098.137	74.573.389
Thuế GTGT	7.009.814	7.457.339
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Hà Nội		
Doanh thu vận chuyển bia và vật tư	290.693.894	828.456.493
Thuế GTGT	29.069.389	82.845.649
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Phú Thọ		
Doanh thu vận chuyển bia và vật tư	177.228.615	-
Thuế GTGT	17.722.861	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Quảng Ngãi		
Doanh thu vận chuyển bia và vật tư	6.669.502.575	108.000.000
Thuế GTGT	666.950.258	10.800.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Nghệ Tĩnh và chi nhánh		
Doanh thu vận chuyển bia và vật tư	657.271.002	164.424.831
Thuế GTGT	65.727.100	16.442.483
Công ty Cổ phần Bia Nước giải khát Sài Gòn Tây Đô		
Doanh thu vận chuyển bia và vật tư	1.374.575.187	127.733.760
Thuế GTGT	137.457.519	12.773.376
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Sông Lam		
Doanh thu vận chuyển bia và vật tư	4.134.504.508	-
Thuế GTGT	413.450.451	-
Công ty Cổ phần Bao bì Sabeco Sông Lam		
Doanh thu vận chuyển bia và vật tư	4.259.431.145	1.486.320.000
Thuế GTGT	425.943.115	148.632.000
Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Sabeco		
Doanh thu vận chuyển bia và vật tư	3.100.000	-
Thuế GTGT	310.000	-
Công ty Cổ phần Nước giải khát Phú Yên		
Bán Palette gỗ	-	73.500.000
Thuế GTGT	-	7.350.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bạc Liêu		
Doanh thu vận chuyển bia và vật tư	3.049.471.187	32.300.971
Thuế GTGT	304.947.119	3.230.097
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Phú Lý		
Doanh thu vận chuyển bia và vật tư	65.596.423	-
Thuế GTGT	6.559.642	-
Cổ tức	499.895.073	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Trung và các chi nhánh		
Doanh thu vận chuyển bia và vật tư	85.235.855	108.197.820
Thuế GTGT	8.523.585	10.819.782

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn và các chi nhánh		
Phải thu cước vận chuyển	85.692.479	274.949.974
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây – Nhà máy Bia Sài Gòn Sóc Trăng		
Phải thu cước vận chuyển	411.421.899	648.817.895
Công ty Cổ phần Vận tải Giao nhận và Thương mại Quang Châu		
Phải thu bán thùng giấy	2.388.100	6.160.994
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sài Gòn 9		
Ứng trước cước vận chuyển	-	3.999.134.507
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran Miền Bắc		
Phải thu bán thùng giấy và cho thuê xe	122.661.200	46.745.911
Cổ tức	2.754.000.000	2.934.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran Miền Trung		
Phải thu bán thùng giấy và cho thuê xe	1.098.001.234	1.14.031.295
Cổ tức	2.754.000.000	2.934.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran Miền Tây		
Phải thu bán thùng giấy và cho thuê xe	2.797.416.600	1.259.940
Cổ tức	2.754.000.000	825.666.667
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco		
Phải thu cước vận chuyển	-	2.144.140.079
Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Miền Trung và các chi nhánh		
Phải thu cước vận chuyển	3.831.948.670	240.199.159
Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Tây Nguyên và các chi nhánh		
Phải thu cước vận chuyển	19.535.552.352	1.068.144.825
Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Nam Trung Bộ và các chi nhánh		
Phải thu cước vận chuyển	3.414.614.613	381.959.936
Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Miền Đông và các chi nhánh		
Phải thu cước vận chuyển	27.365.558.841	3.182.543.740
Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Sông Tiền và các chi nhánh		
Phải thu cước vận chuyển	19.941.100.883	6.692.905.971

Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Sông Hậu và các chi nhánh

Phải thu cước vận chuyển

Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Trung Tâm

Phải thu cước vận chuyển

Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây

Phải thu cước vận chuyển

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây

Phải thu cước vận chuyển

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Quảng Ngãi

Phải thu cước vận chuyển

Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn

Phải thu tiền thuê kho bãi

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Phú Yên

Phải thu cước vận chuyển

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Phú Lý

Phải thu cước vận chuyển

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Hà Nội

Phải thu cước vận chuyển

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Phú Thọ

Phải thu cước vận chuyển

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bạc Liêu

Phải thu cước vận chuyển

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Nghệ Tĩnh và các chi nhánh

Phải thu cước vận chuyển

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Sông Lam

Phải thu cước vận chuyển

Công ty Cổ phần Bao bì Sabeco Sông Lam

Phải thu cước vận chuyển

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Trung và các chi nhánh

Phải thu cước vận chuyển

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam

Tiền cho vay

Cộng nợ phải thu**Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco**

Ứng trước cước vận chuyển

Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại

Cước vận chuyển phải trả

Công ty Cổ phần Vận tải Giao nhận và Thương mại Quang Châu

Cước vận chuyển phải trả

Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran Miền Bắc

Cước vận chuyển phải trả

Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran Miền Trung

Cước vận chuyển phải trả

Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Miền Tây

Cước vận chuyển phải trả

Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sài Gòn 9

Cước vận chuyển phải trả

Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn

Mua thùng giấy

Công ty Cổ phần Bia Rượu Sài Gòn Đồng Xuân

Ứng trước cước vận chuyển

Cộng nợ phải trả

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

4. Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là cung cấp dịch vụ vận chuyển tại Việt Nam.

5. Thuê hoạt động

Công ty thuê đất tại ấp Đức Hiệp, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh với diện tích 19.745 m² dưới hình thức thuê hoạt động được sử dụng cho mục đích xây dựng văn phòng làm việc và bãi đỗ xe. Hợp đồng thuê có hiệu lực 20 năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 8 năm 2010 đến ngày 01 tháng 8 năm 2030. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.200.000.000	1.200.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	4.800.000.000	4.800.000.000
Trên 5 năm	16.300.000.000	17.500.000.000
Cộng	22.300.000.000	23.500.000.000

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.757.251.952	31.263.117.799	32.757.251.952	31.263.117.799
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	24.055.200.000	-	24.055.200.000
Phải thu khách hàng	166.394.719.115	87.461.711.525	166.394.719.115	87.461.711.525
Cho vay	10.953.799.853	-	10.953.799.853	-
Các khoản phải thu khác	10.594.517.720	11.162.311.582	10.594.517.720	11.162.311.582
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.720.000.000	1.720.000.000	1.720.000.000	1.720.000.000
Cộng	222.420.288.640	155.662.340.906	222.420.288.640	155.662.340.906
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	159.946.855.592	42.939.557.440	159.946.855.592	42.939.557.440
Vay và nợ	40.256.538.878	55.593.583.878	40.256.538.878	55.593.583.878
Các khoản phải trả khác	23.579.636.086	34.524.484.582	23.579.636.086	34.524.484.582
Cộng	223.783.030.556	133.057.625.900	223.783.030.556	133.057.625.900

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính này tương đương giá trị sổ sách do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị sổ sách.

7. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.9 và V.24). Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp này năm nay là 51.634.320.498 VND (năm trước là 86.591.688.599 VND).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

8. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau và các công ty liên quan nên rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

9. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Phải trả người bán	159.946.855.592	-	159.946.855.592
Vay và nợ	21.315.303.977	22.806.447.775	44.121.751.753
Các khoản phải trả khác	23.271.362.650	308.273.436	23.579.636.086
Cộng	204.533.522.219	23.114.721.211	227.648.243.431
Số đầu năm			
Phải trả người bán	42.939.557.440	-	42.939.557.440
Vay và nợ	19.647.462.563	44.659.184.753	64.306.647.316
Các khoản phải trả khác	34.290.281.023	234.203.559	34.524.484.582
Cộng	96.877.301.026	44.893.388.312	141.770.689.338

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

10. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường chủ yếu đối với hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro về giá nhiên liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2010 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất theo thị trường.

Ban Tổng Giám đốc quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường, đàm phán để có được các lãi suất có lợi nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 380.221.739 VND (năm trước giảm/tăng 460.277.414 VND) do sự tăng/giảm của chi phí lãi vay. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất năm nay giảm so với năm trước do Công ty đã thanh toán được một phần nợ vay.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá nhiên liệu

Sự biến động của giá nhiên liệu ảnh hưởng lớn đến chi phí và do vậy có ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty hạn chế ảnh hưởng này thông qua việc đàm phán lại phí vận chuyển ngay khi có sự biến động của giá nhiên liệu.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

LÊ THỊ THU HÀ

TRẦN BÌNH NAM



NGUYỄN QUANG TIẾP



IV

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN NĂM 2012

Năm 2012 cũng là năm được dự báo chưa hết khó khăn đối với Công ty. Mục tiêu trọng tâm của năm 2012 vẫn tập trung vào việc cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa tốt nhất cho SABECO, tập trung toàn bộ năng lực để phục vụ SABECO tốt nhất. Trên cơ sở mục tiêu trọng tâm đó, Công ty sẽ tập trung vào cải tiến bộ máy quản lý, tăng cường chất lượng của công tác giám sát, kiểm soát hàng hóa và phương tiện, tiết giảm chi phí thông qua việc áp dụng công nghệ tin học vào hoạt động quản lý, tăng cường công tác huấn luyện lái xe để hạn chế tỷ lệ tai nạn... Với nỗ lực không ngừng của toàn thể cán bộ công nhân viên công ty, sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, Ban điều hành Công ty sẽ phấn đấu để hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2012 do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2012

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KẾ HOẠCH NĂM 2012
A	B	C	D
01	Sản lượng VC	Lít	1.200.000.000
	Tổng doanh thu	Đồng	995.137.377.941
	Doanh thu vận chuyển bìa		936.000.000.000
	Doanh thu VC khác (kể cả TMDV)		49.875.482.868
	Doanh thu tài chính	Đồng	9.261.895.073
02	Tổng chi phí	Đồng	964.685.006.907
	<u>Trong đó</u>		
	Chi phí thuê vận chuyển	Đồng	421.091.667.492
	Chi phí thuê vận chuyển cty con	Đồng	393.750.000.000
	Chi phí đội xe	Đồng	107.831.514.595
	Chi phí công ty	Đồng	37.142.085.341
	Chi phí khác (lãi vay NH)	Đồng	4.869.739.479
03	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	30.452.371.034
	Thuế TNDN	Đồng	3.806.546.379
04	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	26.645.824.655
06	Phân phối	Đồng	26.645.824.655
	Trích lập các quỹ	Đồng	5.329.164.931
	Quỹ dự phòng TC	Đồng	-
	Quỹ đầu tư phát triển 10%	Đồng	2.664.582.465
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi 10%	Đồng	2.664.582.465
07	Cổ tức (20%)	Đồng	16.000.000.000
08	Lợi nhuận còn để lại chờ phân phối	Đồng	5.316.659.724





CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Trụ sở: 78 Tôn Thất Thuyết, P. 16, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.39485278 - Fax: 08.39482743

Email: mail@sabetranjsc.com - Website: www.sabetranjsc.com